

Hisory E-Books: HD240406027

Compiled & Published by Rosea

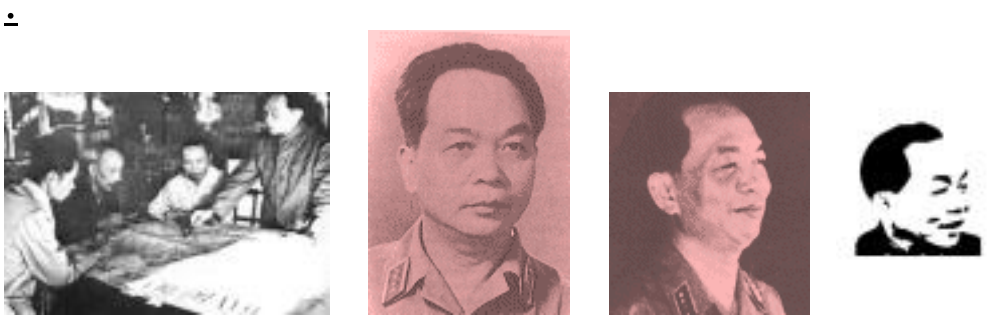


(Rosea cũng là 1 fan của Đại tướng VNG)

Cuốn sách này là một cách thể hiện sự kính trọng của tôi với Đại tướng.

Đại Tướng Võ Nguyên Giáp thời trẻ

Chương I: Quê hương, gia đình và tuổi thơ	2
<i>Ngày sinh</i>	2
<i>Gia đình</i>	3
<i>Quê hương</i>	6
<i>Những năm tháng học tập</i>	8
Chương II: Tuổi thiếu niên	10
<i>Bạn bè cùng chí hướng</i>	10
<i>Gặp lại bài về năm xưa</i>	11
<i>Truy điệu cụ Phan Chu Trinh</i>	16
Vo Nguyen Giap	24
From Wikipedia, the free encyclopedia.	24
Biography	25
External links	28
An Officer and a Gentleman:	28
General Vo Nguyen Giap as Military Man and Poet	28
On the battle of Dien Bien Phu:	36
On the United States' involvement in Vietnam:	36
On fighting technologically superior U.S. forces:	37
On the Ho Chi Minh Trail:	37
On the Tet Offensive:	38
On the U.S. leadership during the war:	38
Võ Nguyên Giáp và Điện Biên Phủ	39
Vợ Nguyên Giáp: người "chiến sĩ" số 1	46



Tối qua Đài THHN có chương trình "Bài ca chiến sĩ" (Em nhớ không chính xác tên chương trình lắm), có giới thiệu về cuốn sách "Đại Tướng Võ Nguyên Giáp thời trẻ" của Trung tướng Phạm Hồng Cư. Cuốn sách được in vào cuối năm 2004 nhân kỷ niệm 60 ngày thành lập QĐND Việt Nam (22-12-1944 - 22-12-2004) và kỷ niệm lần sinh nhật thứ 93 của Đại tướng (25-8-1911 - 25-8-2004).

Chương I: Quê hương, gia đình và tuổi thơ

Ngày sinh

Hồi đầu thế kỷ XX, ở làng An Xá (trước là xã, sau là thôn, nay thuộc xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình) có một gia đình nhà nho nghèo làm ruộng. Ông huy là Võ Quang Nghiêm, bà là Nguyễn Thị Kiên. Ông bà sinh hạ được bảy người con, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là người con thứ năm.

Võ Nguyên Giáp ra đời vào một mùa lụt, trong một cái lều cất tạm dưới gốc mít to như cổ thụ trong vườn nhà. Thuở ấy, các cụ chỉ nhớ ngày sinh của con cái theo âm lịch, còn ngày sinh của vng theo dương lịch thì sau này các nhà nghiên cứu phương Tây, mỗi người nói một cách. Ví như bản chỉ dẫn về tiểu sử Võ Nguyên Giáp của Jean Sainteny (Notice biographique sur Vo Nguyen Giap-Jean Sainteny) ghi là 1912. Từ điển Bách khoa Larousse ghi là 1911. Có những tác giả ghi là 1910 như Boudarel hoặc James Fox. Trong cuốn “GIAP” do Nhà xuất bản Atlas-Paris xuất bản năm 1977, Boudarel viết: “*Sinh ở An Xá trong tỉnh Quảng Bình năm 1910*”. Trên *Tạp chí Thời sự chủ nhật* (The Sunday Times Magazine) số 5-11-1972, James Fox viết: “*Ông sinh ngày 1-9-1910, một ngày tháng đáng ghi nhớ lại ở đây, chỉ vì một sự tình cờ kỳ lạ, tôi tìm thấy giấy khai sinh của ông Giáp tại Paris và qua đó có thể giải quyết một lúng túng cho giới học giả cho rằng ông sinh ra vào khoảng 1911, 1912*”.

Tôi hỏi chị Đặng Bích Hà (phu nhân Đại tướng Võ Nguyên Giáp):

-Vậy năm nào là đúng?

-Năm 1911.

-Căn cứ vào đâu?

-Anh Giáp tuổi Hợi (Tân Hợi).

-Một lá số tử vi có không?

-Không. Mà có cũng không còn.

-Rất tiếc, tôi muốn xem người ta đoán như thế nào về số của anh Giáp. Còn ngày sinh?

-Ngày 25 tháng 8 dương lịch. Cũng tính từ “ngày ta” sang do bà (mẹ anh Giáp) nói và nhờ ông Trần Văn Giáp tính hộ.

Gia đình

Họ Võ là một dòng họ lớn ở làng An Xá, từ đường ở cuối làng. Tiếc rằng gia phả nay không còn. Cậu bé Giáp lớn lên không biết mặt ông nội, chỉ nghe nói là có đức lắm. Cụ ông huý là Võ Quang Nghiêm, cụ bà là Bùi Thị Gái. Cậu bé nhớ bà nội lúc mất: Mặc áo tím, áo điều. Một hôm, ông thầy cúng nói: “Bà ngồi trên mộ đấy”.

Gần đây cháu chắt mới tìm thấy mộ các cụ. Mộ cụ ông táng trên Trám, sau làng An Sinh, ở thượng nguồn bên hữu ngạn sông Kiến Giang, còn mộ cụ bà thì táng bên tả ngạn, ở một khuỷu sông gọi là Hàm Rồng. Khi còn nhỏ, cậu bé Giáp nhiều lần theo thầy mẹ đi tảo mộ. Một thời gian dài qua hai cuộc kháng chiến, việc viếng mộ thưa đi. Đến thế hệ cháu thì không còn biết đâu là mộ nhà. Một hôm, ba người thuộc hàng chắt đi tảo mộ đến khu vực mộ cụ ông thì chỉ thấy nhiều mộ giống nhau. May có một ông già đi tới nói:

-Không phải đất của ta đâu! Gia đình có phúc lắm mới gặp tôi. Mua thẻ hương khấn rồi tôi tìm mộ cho.

Ông già dẫn đến một chỗ có vết đào mương, hào. Có trồng một cây lạ để đánh dấu gọi là cây chim chim.

Nghe kể chuyện này, đích thân em trai Đại tướng Võ Nguyên Giáp là Võ Thuần Nho về tìm. Võ Thuần Nho đứng một chập, có một ông lão ra hỏi:

-Có phải ông Nho đấy không?

-Thưa phải.

-Thời kháng chiến ông dạy tôi múa đại đao, ông có nhớ không?

-...

-Có một đạo, người trong làng ra đào hầm hố ngay đầu mộ, tôi ra tôi cản đó.

Lúc đó Võ Thuần Nho mới tin.

Ông thân sinh của Võ Nguyên Giáp và Võ Thuần Nho học tài thi phận. Ông đã nhiều lần thi hương cho tới khoá Mậu Ngọ (1918). Hồi ấy, các thí sinh phải đem lều chống vào trường thi, dựng tại chỗ đất trống dành cho mình để có nơi ngồi làm bài. Khác với Võ Nguyên Giáp sau này nhiều lần đỗ thủ khoa, ông Nghiêm lều chống bao lần thi không đậu. Tuy không đỗ đạt nhưng ông Nghiêm là một nhà nho học có uy tín trong vùng. Ông vừa dạy học, vừa bốc thuốc. Ông được xóm làng tôn trọng. Khi tế ở ngoài đình, tuy không phải là tiên chỉ, nhưng người ta thường mời ông làm chủ tế. Cậu bé Giáp mỗi lần thấy thầy tắm nước lá bưởi, mặc áo tể là biết ông đi

làm chủ tế.

Ông giàu lòng thương người. Đêm hôm, có ai mời đi thăm bệnh, ông cũng đi. Ông dạy con cháu trong nhà “thương người như thể thương thân”. Ông sống một cuộc đời giản dị, thanh bạch, có nền nếp. Sáng nào cũng vậy, ông dậy đúng giờ, ăn ba bát cháo hoa hay cháo tằm, ăn với cà hoặc muối ông gọi đấy là “sâm nhà nghèo”. Tối đi ngủ, ông bắt cả nhà xoa chân tay cho nóng.

Tập quán này, Võ Nguyên Giáp còn giữ mãi cho tới sau này.

Ông Nghiêm chú ý giữ gìn nền nếp gia phong. Sự giáo dục trong gia đình rất nghiêm khắc. Ăn cơm xong, con cái rót nước hầu cha mẹ phải bưng hai tay, bưng một tay là thất lễ. Có khách đến nhà, con gái không được lên nhà trên. Ông dạy chữ nho cho trẻ trong làng. Đến một lúc nào đó, ông chuyển sang dạy Quốc ngữ, làm hương sư. Ông vừa dạy học vừa làm ruộng. Giao bài cho trẻ xong, ông chèo “nôốc” (thuyền) đi thăm lúa (lúa).

Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bắt đầu, gia đình đi tản cư, ông còn đang thu xếp một vài việc chưa kịp đi theo, thì giặc Pháp ập tới. Chúng cần quét lòng bắt ông, đưa ông về giam ở Huế. Ông bị tra tấn dã man. Có người trông thấy ông bị chúng buộc tay vào đằng sau xe jeep (Jeep). Gia đình không biết ông sống chết ra sao.

Hơn bốn mươi năm sau, khi sưu tầm những tư liệu về gia đình, tôi tìm thấy một bức thư mà gia đình còn lưu giữ được. Thư đã cũ, giấy học trò đã ngả màu vàng, nét chữ trẻ em to, nắn nót, viết bằng mực tím:

Mẹ có mấy lời thăm con: Giáp và Hà.

Mẹ mong con cho được mạnh khoẻ luôn luôn thì Mẹ mừng lắm. Còn Mẹ và Anh cũng được thường nhưng mà thua lúc ở nhà nhiều lắm, nhưng chuyện nhà nhiều chuyện đáng cay, của tiền không kể, nhưng nhứt là không biết. Thầy có còn hay không thì Mẹ buồn lắm. Mẹ mong sao cho gặp được hai con, cho đỡ buồn còn Anh có thường thường khi đâu trở trời có ho và mệt độ vài ba hôm thì khoẻ ở mình.

Bức thư không đề ngày tháng, nhưng chắc chắn là viết vào thời gian đầu cuộc kháng chiến, gửi từ nơi tản cư ở Quảng Bình ra Việt Bắc... Bà nội đọc cho cháu Hồng Anh (Hồng Anh: con gái đầu của Đại tướng Võ Nguyên Giáp) viết.

Mãi về sau, gia đình mới có tin là ông đã mất trong nhà tù ở Huế. Sau ngày thống nhất nước nhà, con cháu đi tìm mộ ông và năm 1979, bốc mộ, đưa hài cốt về chôn cất tại nghĩa trang liệt sĩ huyện Lệ Thủy.

Võ Nguyên Giáp giống mẹ: Bà mẹ đã ban cho Võ Nguyên Giáp cả vóc người, gương mặt và đôi mắt thông minh. Những ai đã có dịp gặp bà đều nhận ngay ra vóc người thấp đậm của Võ Nguyên Giáp là vóc người của bà. Gương mặt tròn, trắng trẻo của Võ Nguyên Giáp là gương mặt của bà. Đặc biệt là đôi mắt: Một đôi mắt vừa hồn nhiên nhân hậu như mắt trẻ thơ, vừa cương nghị như có ánh thép và sắc sảo long lanh trí tuệ. Về đôi mắt của Võ Nguyên Giáp, sau này có một lần, một nữ ký giả phương Tây-bà Oriana Fallaci-khi phỏng vấn Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhận xét: “Đôi mắt thông minh nhất mà tôi chưa từng thấy!”.

“Hiền lành là bà”-Võ Nguyên Giáp nói về người mẹ của mình như vậy. Cậu bé Giáp yêu thương mẹ, còn đối với ông thân thì cậu kính nể và sợ. Ông dạy con rất nghiêm mà cậu thì hay nghịch. Mỗi khi ông mắng còn thì bà đứng ra đỡ lời.

Bà lo việc ruộng vườn nội trợ. Thời gian đầu, bà còn đi chợ, ra ruộng. Sau này khi hai cô con gái đã lớn (chị Diễm và chị Liên), các chị chèo đò đi buôn vật để đỡ đần cho cha mẹ thì bà lo việc cơm nước ở nhà. Khi hai chị đi lấy chồng và hai anh em Võ Nguyên Giáp, Võ Thuần Nho đi học xa, hai ông bà sống với con con gái út tên là Võ Thị Lại.

Năm 1952, bà ra Việt Bắc và sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp thành công, bà về Hà Nội sống với con cháu. Năm 1961, bà mất.

Khác với các gia đình ở Quảng Bình, trong gia đình ông Nghiêm, con cái gọi cha mẹ là thầy, thím.

Tôi hỏi:

-Tại sao?

Anh Võ Thuần Nho trả lời:

-Cả huyện, cả làng gọi ông là thầy, trong nhà cũng gọi là thầy.

-Thế tại sao gọi mẹ là thím?

Chị Đặng Bích Hà đưa ra một giả thuyết:

-Phải chăng do anh Toại, chị Châu mất sớm, gia đình kiêng, gọi tránh đi cho dễ nuôi con.

Bà cụ đã kể lại cho chị Đặng Bích Hà: Người anh cả tên là Toại, thông minh khôi ngô cực kỳ. Anh học chữ Hán, giỏi như thần đồng làm cho thầy mẹ hoảng sợ, bắt uống mực Tàu cho tối dạ bớt đi. Nhưng cũng không giữ được anh. Một cơn dịch tả tràn qua làng, anh mắc bệnh. “Thầy ơi! Cứu con với!”. Thầy biết làm thuốc nhưng bệnh nặng, không cứu được. Anh qua đời vào lúc lên bảy lên tám. Sau anh Toại là chị Châu, sinh được một năm thì vừa trận lụt năm Thìn. Lũ lớn tràn về đột ngột, ngập cái “tra” (gác để cất lúa). Nước cuốn trôi cả hai mẹ con. Tóc mẹ dài quấn vào bụi tre, thầy cứu được. Chị Châu mất không có mộ. Sau này Võ Thuần Nho về đắp cho chị một cái mộ gió bên cạnh mộ anh Toại.

Hai người chị trên Võ Nguyên Giáp là chị Diễm và chị Liên, lớn lên vừa làm ruộng vừa chạy chợ. Không có vốn buôn bán, hai chị chỉ buôn ít cá, ít đường phèn, mua chợ nọ, bán chợ kia. Chị Diễm cũng bị giặc Pháp bắt sau khi được tha, lên chiến khu thì mất ở đó. Chị Liên mất trước năm 1930. Ông cụ cũng bốc thuốc chữa chạy nhưng chị Liên không qua khỏi. Sau khi chị Liên mất, ông cụ bỏ nghề làm thuốc.

Thuở ấy, đàn bà con gái ít được học hành. Cả nhà dồn sức cho hai anh em Võ Nguyên Giáp và Võ Thuần Nho ăn học nên người. Tuy nhiên có lúc nhà nghèo túng đến nỗi Võ Thuần Nho phải bỏ học, đi làm nghề thợ may kiếm sống, đỡ dần cho cha mẹ. Võ Thuần Nho làm nghề may đã đến trình độ được lễ tổ.

Võ Thuần Nho kể:

“Đền hương xôi gà cúng xong, khâu kim một lần phải qua”. Lẽ ra Võ Thuần Nho tiếp tục làm thợ may, nhưng hai lần Võ Nguyên Giáp gọi em vào Huế và ra Hà Nội để tiếp tục học cho đến tú tài.

Võ Thuần Nho sau này là Thứ trưởng Bộ Giáo dục.

Cô em út là Võ Thị Lài sau này là nhân viên coi kho của một cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp. Gia đình ông Nghiêm không có ruộng tư, chỉ cày cấy sổ ruộng công do làng cấp. An Xá có chế độ chia công điền từ xưa để lại. Ba năm chia lại một lần. Mỗi lần chia ruộng là mỗi lần tranh giành nhau ghê gớm. Cả làng họp tại nhà ông thủ bạ, giết lợn, chè chén rồi “bắt” ruộng. Lượt đầu được một mẫu (mẫu Trung bộ bằng nửa héc ta), lượt thứ hai được một mẫu, lượt thứ ba được năm sào, chia theo tam đẳng điền và theo suất đinh.

Gia đình ông Nghiêm được chia hai mẫu rưỡi: Một mẫu đệ nhất đẳng, một mẫu đệ nhị đẳng, năm sào đệ tam đẳng. Có lần được ruộng gần nhà, có lần phải ruộng xa nhà, gần phá Hạc Hải, nước sâu.

Chia rồi, ai có vốn, có sức thì làm, không có thì, cầm, bán. Những gia đình giàu có thu tóm hết ruộng đất của bà con nghèo.

Gia đình ông Nghiêm bán một mẫu rưỡi loại đệ nhị, đệ tam đẳng để thuê người làm mẫu ruộng đệ nhất đẳng.

Trong nhà phải đi vay mới đủ: Cầm đất cho ông Bá Lạng, vay nợ lãi của ông Khoá Uy. Khoá Uy là một Hoa kiều giàu có ở trên chợ Hòm, có tiền cho cả huyện vay. Vay bằng tiền nhưng ghi nợ bằng thóc, khi trả tính cả vốn lẫn lời. Ai không trả được thì bị Khoá Uy phái bọn lưu manh, bọn nghiện hút đến đòi. Bọn họ ngồi chễm trệ giữa phản hoặc leo lên nóc nhà, réo tên chủ nhà ra mà chửi.

Cậu bé Giáp nhiều lần được theo cha đi thăm lúa. Cánh đồng hai huyện bát ngát “cò bay thẳng cánh”. Vùng này có câu: “Nhất Đồng Nai, nhì hai huyện” (là huyện Lệ Thủy và huyện Quảng Ninh). Ruộng khô cấy lúa ven, gạo gieo, ruộng sâu cấy giống su, gạo đỏ.

Ngày mùa có phường gặt về là niềm vui của lũ trẻ. Các chị dậy từ ba giờ sáng nấu cơm cho phường gặt.

Niềm vui ngày mùa của cậu bé Giáp không trọn vẹn. Nhiều lần cậu theo mẹ chèo “nôốc” đi trả nợ. Cậu nhớ nhất cái bến nhà ông Phó Sương trên Tuy Lộc có cây gạo to. Trời nắng. Mẹ đội thóc chạy lên chạy xuống, còn cậu thì ngồi từ sáng đến trưa dưới “nôốc” để giữ thóc. Ông Phó Sương dùng cái quạt Tàu to tướng, quạt mạnh cho bay hết hột lép, chỉ lấy hột chắc.

Những cuộc chia ruộng, những khái niệm vay, trả gắn liền với những ông Phó, ông Bá, ông Khoá... đã gieo điều gì vào đầu óc cậu bé?

Hai mươi năm sau (năm 1937), Võ Nguyên Giáp viết trong cuốn *Vấn đề dân cày* (viết chung với Trường Chinh dưới hai bút danh là Qua Ninh và Vân Đình): “Sống dưới chế độ bóc lột phòng không-tư bản (exploitation féodo capitaliste) dân cày Đông Dương quá điêu linh xờ xạc...”.

Lần đầu tiên cậu bé Giáp nghe chuyện đánh Tây là câu chuyện Cần Vương do bà mẹ kể. Bà kể rằng khi bà còn nhỏ, kinh đô Huế thất thủ. Điện tiền thượng tướng quân Tôn Thất Thuyết phò vua Hàm Nghi chạy ra Quảng Bình. Có tin đồn nhà vua ngự trên thượng đạo xa lắm. Vua xuống chiếu Cần Vương, kêu gọi các sĩ phu và dân chúng chống giặc Pháp.

Ông ngoại theo Văn thân làm đến chức Đề đốc coi đại đội tiền vệ. Ông bị giặc Pháp bắt. Chúng đánh đập, dọa bắn, nhưng ông một mực không khai, sau chúng phải thả.

Cậu bé Giáp được mẹ đưa về quê ngoại bên Mỹ Đức hầu thăm ông ngoại. Ông ngoại râu tóc bạc phơ, phương phi quắc thước. Ông rất yêu cậu bé, ôm cậu vào lòng. Cậu bé chú ý vùng ấy có cái đền Chiêm Thành, có Phật bằng vàng. Cậu bé thích chạy theo người cậu săn bắn rất giỏi. Bắn giỏi là một truyền thống của gia đình bên ngoại.

Bà mẹ kể chuyện chạy giặc. Khi bà còn nhỏ, mỗi lần Tây về, bà và người di ngồi trong thúng người lớn quấy đi tránh giặc. “Tây đi, lại về. Giặc Tây tàn ác lắm”-Bà nói.

Đêm nằm ngủ với thầy, cậu bé nghe ông thân kể chuyện chống Pháp qua một bài về rất phổ cập trong dân gian thời bấy giờ là bài về *Thất thủ kinh đô*. Cả nhà khâm phục tấm gương trung quân ái quốc của Tôn Thất Thuyết, ghét cay ghét đắng gian thần Nguyễn Văn Tường.

Bài về *Thất thủ kinh đô* và câu chuyện Cần Vương có phải là tia sáng đầu tiên? Ấn tượng về một vị tướng đánh giặc in sâu trong tâm trí cậu bé là ông thần thờ trong ngôi miếu cổ ở xóm ngoài.

Ông đi chống giặc, bị giặc chém đứt cổ, chỉ còn dính da, vẫn dang hoàng cưỡi ngựa về đến làng. Gặp một bà hái rau, ông hỏi:

-Rau muống bẻ ra có sống không?

Bà hái rau trả lời:

-Rau muống rỗng, bẻ ra không sống.

Ông ngã ra chết. Dân chúng lập miếu thờ. Nghe nói ông thiêng lắm, trẻ con đi qua miếu không dám nghịch.

Quê hương

Quảng Bình nhìn trên bản đồ Việt Nam ở vào đoạn thắt đáy lưng ong của hình đất nước. Đó là một dải đất hẹp, có dãy Trường Sơn vươn ra biển: Đó là Hoàng Sơn. Con đường thiên lý xuyên Việt ngoằn ngoèo trèo lên núi tạo nên Đèo Ngang, một thắng cảnh nổi tiếng. Từ xa xưa, nơi đây đã in dấu chân của nhiều danh nhân đất nước. Tới Đèo Ngang ngắm cảnh trời non nước, chợt nhớ tới mảnh tình riêng của Bà Huyện Thanh Quan:

... Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia

Dừng chân đứng lại, trời non nước

Một mảnh tình riêng, ta với ta.

Ngắm cửa biển Nhật Lệ, chợt nhớ tới nỗi buồn của Nguyễn Du:

Buồn trông cửa biển chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.

Quảng Bình là một vùng đất lịch sử. Năm 1306, công chúa Huyền Trân ra đi làm dâu vương quốc Chăm-pa, mở ra cho vùng biên trấn phía Nam nước Đại Việt hai châu Ô và Lý. “Quảng Bình là đất Ô châu”. Trên đất Quảng Bình còn nhiều di tích văn hoá Chiêm Thành. Nhiều sự kiện lịch sử của đất nước còn in đậm dấu trên vùng đất Quảng Bình.

Luỹ Thầy ai đắp mà cao,

Sông Gianh ai bó ai đào mà sâu!

Câu ca dao lắng đọng nỗi đắng cay của hai thế kỷ đất nước bị chia cắt thành Đàng Trong và Đàng Ngoài dưới thời Trịnh-Nguyễn phân tranh, lấy sông Gianh làm ranh giới. Kể từ tháng 11-

Allrights reserved by Rosea

<http://danghoanghai.999.org>

1558, khi Nguyễn Hoàng xin vào làm trấn thủ Thuận Hoá để tránh bàn tay ám hại của người anh rể là Trịnh Kiểm cho đến tháng 7-1786, khi nghĩa quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy của tiết chế Nguyễn Huệ đánh chiếm Phú Xuân rồi tiến thẳng ra Thăng Long, đưa hai miền đất nước trở về một mối, thì đằng đằng hơn hai thế kỷ đất nước bị chia cắt.

Còn Luỹ Thầy thì ai đắp? Đó là quan nội tán Đào Duy Từ (1572-1634) được người đương thời gọi bằng “Thầy”. Ông học rộng, tài cao nhưng không được đi thi chỉ vì cha là Đào Bá Hán làm nghề hát xướng nên đã bỏ Lê-Trịnh trốn vào Nam theo chúa Nguyễn. Qua 4 thế kỷ, công trình kiến trúc quân sự này bị bào mòn, nhưng trong dân gian còn lưu lại ấn tượng về sự hiem yếu của nó: “Nhứt sợ Luỹ Thầy, nhì sợ bãi lầy Võ Xá”.

Bước vào lịch sử hiện đại, nhiều vùng đất Quảng Bình là căn cứ chống Pháp của nghĩa quân Cần Vương. Dân chúng còn lưu lại hình tượng của hai ông: Ông Văn và ông Võ ở hai khối đá lớn trên hòn Lèn Bàng. Ông Văn là hoàng giáp Phạm Duy Đôn, ông Võ là đề đốc tiến sĩ Lê Trực, chỉ huy nghĩa quân Cần Vương ở Bắc Quảng Bình năm 1885-1888.

Trong hai cuộc kháng chiến, nhiều tên đất, tên người đã làm sống động truyền thống đấu tranh bất khuất của Quảng Bình: Xuân Bồ với anh hùng Lâm Úy; làng chiến đấu Cự Nẫm, làng biển Cảnh Dương, làng đảo La Hà; động Phong Nha và đường 20 một điểm xuất phát của đường mòn Hồ Chí Minh, thị xã Đồng Hới, động cát Bảo Ninh, dòng sông Nhật Lệ với bà mẹ Suốt và những nữ anh hùng nổi tiếng thời chống Mỹ...

Tuổi thơ của Võ Nguyên Giáp gắn liền với làng quê An Xá bên dòng sông Kiến Giang.

Sông Kiến Giang bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, qua vùng núi An Mã, tưới cho đồng bằng hai huyện, nhập vào phá Hạc Hải rồi đổ ra cửa Nhật Lệ. Hai bờ sông bên lở bên bồi.

An Xá nằm bên bồi. Bên lở gọi là “bờc” thuộc xã khác. Con đường làng ven theo men sông, thuở cậu Giáp còn nhỏ, cây cối ven đường làng rậm rạp như rừng. Có những cây nghiêng mình rũ tóc xuống mặt nước gọi là “cựa” nom rất đẹp. Dưới bến, đậu san sát những chiếc thuyền gọi là “nốc”. Theo dân làng kể lại, một số viên đá tảng to kê làm bậc lên xuống ở bờ sông Kiến Giang là đá lấy ở chân thành nhà Ngo (Ninh Viễn thành) một di tích của người Chiêm Thành, ở cách phía Nam huyện lỵ Lệ Thủy một cây số.

Từ An Xá đi lên huyện lỵ phải ngược dòng sông Kiến Giang qua các làng trên: Tuy Lộc, Đại Phong, Thượng Phong. Mẹ và các chị đi chợ huyện bằng đò dọc. Ngược dòng lên thượng nguồn là nơi gia đình thường đi tảo mộ ở chân núi An Mã.

Xuôi dòng qua làng dưới là An Lạc, có nhà thờ đạo. Thuở ấy, trẻ con làng An Xá ghét trẻ con làng đạo, thường xảy ra đánh nhau.

Theo đò dọc xuôi về Đồng Hới, gặp một cái phá rộng: Phá Hạc Hải. Nước từ nguồn An Sinh, Cẩm Ly đổ về, trăm dòng tụ lại, mặt phá rộng mênh mông như biển, lấp loá ánh nắng. Xung quanh là động cát trắng phau, phía Tây... sừng sững một bức núi Đầu Mâu trầm mặc. Cậu bé Giáp nhiều lần được theo thầy hoặc các chị đi đò dọc xuôi xuống Hạc Hải vớt rong đem về bón khoai trồng trong vườn nhà. Rong Hạc Hải bón vào cây gì cũng tốt. Dân An Xá còn khai thác cói ở phá Hạc Hải đem về dệt chiếu:

“Chiếu cói An Xá, nón lá Quy Hậu”.

An Xá đối với cậu bé Giáp là một cái làng đầy vườn mà vườn là thiên đường của trẻ nhỏ. An Xá có ba xóm: Xóm trong, xóm giữa, xóm ngoài... Mái nhà tranh chìm trong vườn xum xuê cây trái. Hai đầu làng có những “lòi” là những lùm cây rậm rạp, có những “hói” bí hiểm. Giữa xóm trong và xóm giữa có một bãi hoang gọi là “đồng đồng”, có cây bún có nhiều ma.

Chỉ có vườn là thích. Vườn trước có cây mít to như cổ thụ và nhiều cây cam giấy. Vườn sau trồng chuối, có cây ổi, cây bồ kết, cây đào tiên, hai cây khế ngọt, chim cu xanh thường về ăn. Mẹ chăm sóc cây trái trong vườn, mùa nào thức nấy đem bán ở chợ Tréo, chợ Chè.

Nhưng vườn hàng xóm còn hấp dẫn hơn. Vườn nhà mụ Thơ có cây bưởi. Một trò nghịch của lũ trẻ cùng học chữ Nho với cậu bé Giáp là nhân lúc thầy đi thăm lúa, bọn chúng rủ nhau chui qua rào vào vườn nhà mụ Thơ hái trộm bưởi đem về chén. Cái trò nghịch này, thầy mà biết thì chết đòn. Thầy có tiếng là nghiêm, nhưng lũ trẻ nghịch vẫn hoàn nghịch.

Một trò nghịch táo bạo hơn là chui ra khỏi vườn sau, vượt qua mấy cái ruộng mạ (gọi là “trưa”) đi tới cái “bộng” (ao) bên ruộng nước. Đường đi ra “bộng” có cây mưng lá ăn chát chát. Đứng ở “bộng” nhìn ra xa, đồng ruộng bát ngát đến chân trời. “Bộng” là thiên đường của lũ trẻ, nơi chúng

bắt cá, được vài con cá là sung sướng vô cùng.

Đối với cậu bé Giáp, những giờ phút đùa nghịch với lũ bạn như vậy quả là thích thú, mặc dầu cậu biết rằng về nhà thế nào cũng bị phạt, bị mắng và có khi còn bị roi vọt. Có một lần, ông

Nghiêm vợ lấy cây sào chống cửa, cậu bé phải chui xuống dưới bàn thờ, xin tha. Nói chuyện cây sào chống cửa vì cửa nhà ông Nghiêm ghép bằng lá kè, dùng sào chống lên, tối sập lại.

Đây là một căn nhà ba gian hai chái lợp tranh, có nhà ngang làm bếp. Gian phải phía Đông là buồng của đàn bà con gái, có kê một cái rương của bà mẹ. Gian giữa đặt bàn thờ gia tiên, có bộ phản gỗ và bộ trường kỷ bằng tre. Gian trái kê giường nằm của thầy, có một cái tủ từ xưa để lại. Chái phía Tây là nơi trẻ học và thầy coi sách.

Trong nhà trang trí giản dị: Nơi thầy đọc sách có treo đôi câu đối bằng vải tây điều. Trước bàn thờ dán những thiệp đỏ “Cung chúc tân niên” có bút tích người đề tặng.

Một hôm thầy bảo:

-Mấy cái thiệp này phải cất đi. Những người này can Văn thân đang bị truy nã.

Trước nhà có cái sân đất gọi là “cươi” khá rộng, đến mùa xuân lấy đất ruộng về rải trồng rau cải. Ngăn sân với vườn có một cái bình phong gạch. Trước bình phong là bể cạn cây si, bồn hoa cây cảnh do ông Nghiêm tự tay chăm chút: Mẫu đơn, thạch lựu, vạn thọ, hoa trang, hoa huệ. Có một cây mai vàng, một cây sấm trồng làm thuốc đắng ghê gớm.

Mỗi khi trời nắng, cây trong vườn in bóng xuống sân, rung rinh đưa đi đưa lại. Không gian đầy tiếng chim hót, dăm ba con bướm lượn ngoài vườn.

Những năm tháng học tập

Cậu Giáp học chữ Nho với thầy. Cậu cùng với em trai và năm sáu đứa bạn ngồi ò a trên chiếc chiếu.

Ông Nghiêm tuy nghiêm khắc nhưng rất thương con. Nghiêm khắc giữ gìn gia phong theo khuôn phép đạo Khổng. Thương con, thương mấy đứa trẻ thông minh đĩnh ngộ.

Dạy cho anh em Giáp và lũ trẻ trong làng học chữ Nho, ông bảo:

-Đây là chữ của thánh hiền, các con không được nghịch, không được giẫm lên sách, phải đội lên đầu để tỏ lòng tôn kính.

Ông dạy theo Tam tự kinh và Ấu học tân thư. Bộ sách Ấu học tân thư xuất bản dưới thời vua Duy Tân, gồm nhiều quyển.

Ấn tượng ban đầu in sâu mãi mãi. Đến tuổi tám mươi, Võ Nguyên Giáp vẫn còn nhớ. Một hôm, ông đọc cho chúng tôi nghe:

Thiên thượng địa hạ

Nhật trú nguyệt dạ...

(Trên trời dưới đất

Mặt trời ban ngày, mặt trăng ban đêm)

Trong Ấu học tân thư có đoạn nói về đất nước:

Ngô tổ Hồng Bàng thị

Triệu Thủy, Kinh Dương Vương

Tích Kinh Bắc thuộc thì

Cựu sĩ dĩ nan vong

(Tổ ta là Hồng Bàng

Triệu Thủy, Kinh Dương Vương

Sự tích thời Bắc thuộc

Mỗi nhục cũ khó quên)

Có chỗ nói:

Phong tuy độc bất thích đồng quần

Hổ tuy bạo bất thực đồng loại

(Ong tuy độc không đốt trong đàn

Hổ tuy ác không ăn đồng loại)

Đoạn nói về chiến công xưa, có câu “*Chi Lăng tẩu Tống binh*”, Võ Nguyên Giáp nói:

-Tẩu nghĩa là chạy, nhưng đây nghĩa là đuổi, chữ có nghĩa rất mạnh.

Chi Lăng tẩu Tổng binh

Bạch Đằng phá Nguyên sư

(Chi Lăng đuổi quân Tống)

Bạch Đằng phá Nguyên sư)

Mấy cuốn sau nói về Lê Lợi, Nguyễn Trãi. Riêng đoạn về Tây Sơn và Quang Trung thì bị nói xấu mà đề cao Nguyễn Ánh.

Ấu học tân thư là cuốn vỡ lòng có ảnh hưởng đối với cậu bé và cũng là vốn chữ hán đầu tiên của Võ Nguyên Giáp.

Học lớp Đồng ấu, cậu bé phải đi học ở trường Tổng trên Tuy Lộc. Tuy Lộc là làng trên, lớn hơn làng An Xá, có chợ gọi là chợ Hòm, có ty rượu của chủ Tây gọi là Sica. Ngày lễ, Tết Tây, học sinh phải sang hát cho Tây nghe. Thầy dạy học tên là Khoát, học trò không trọng vì thầy nịnh Tây.

Cậu Giáp học giỏi. Sáng đi chiều về cùng với thằng Hoàng, trưa ở lại, mỗi đứa được một tiền để mua bánh ở chợ. Có khi bới đi một mo cơm, trong đó có con tôm. Thằng Hoàng lớn tuổi hơn nhưng là cháu, gọi cậu Giáp bằng chú. Học lớp ba, cậu bé phải đi trọ học trên trường huyện. Phải đi dò dọc lên huyện lỵ Lệ Thủy. Đã nhiều lần, cậu bé được các chị cho đi theo lên huyện xem xinê. Chợ huyện đông vui, phố huyện sầm uất. Và đi dò dọc quả thật là thích.

Nhưng lần này... Lần này đi dò dọc với mẹ, cậu bé không vui, lòng cậu nặng trĩu. Cậu biết rằng mẹ đi chợ huyện xong là mẹ về, còn cậu thì phải ở lại một mình nhà ông gì đó để trọ học. Xa mẹ. Điều đó, cậu bé không chịu nổi!

Đò đã đi qua mũi Viêt, gần tới huyện rồi. Khi lên phố huyện, mẹ dẫn cậu bé đến nhà trọ, dỡ dành:

-Con ở lại đây, thím về. Hôm sau, thím đón.

-Không! Không! Không!

Cậu oà lên khóc. Cậu túm áo mẹ, cậu chạy theo mẹ xuống đò. Cậu giẫm chân, ôm lấy mẹ. Mẹ đành phải cho cậu về theo. Nhưng khi về đến đầu nhà thì cậu bé len lét sợ, chùn lại. Cậu lảng vảng ở ngoài vườn, chờ mẹ vào thưa trước với thầy. Không biết mẹ nói gì, không thấy thầy rầy la mà gọi vào. Hôm sau, cậu bé thuận đi và ở lại trọ học. Học lớp ba trên trường huyện, cậu bé luôn luôn đứng đầu lớp.

Xong lớp ba, phải lên trường tỉnh học. Đồng Hới, tỉnh lỵ của Quảng Bình là một thị xã xinh xắn bên bờ sông Nhật Lệ. Bao quanh thị xã là một toà thành cổ xây dựng từ năm Gia Long thứ 10 (1812) đến năm Minh Mạng thứ 5 (1824) thì được xây dựng lại bằng gạch. Các mặt thành có cửa cuốn thông ra ngoài bằng những cây cầu gạch. Bốn phía thành có hào sâu đầy nước. Đối diện với thành cổ Đồng Hới, bên kia sông là những động cát trắng phau nhấp nhô, những làng chài in hình trên một cảnh biển, trời, mây, nước. Đứng bên động cát nhìn lại thì toàn cảnh Đồng Hới hiện ra hùng vĩ lạ thường: Núi Đầu mâu, núi Ba Rền dường như nhích lại gần toà thành cổ, cùng soi bóng xuống dòng sông Nhật Lệ lung linh đáng núi, mây trời. Đã bao lần cậu bé đứng sững sờ ngắm cảnh đẹp lộng lẫy của quê hương.

Cậu ở trọ tại nhà ông Ký Xiển, một người quen của gia đình. Ông Ký Xiển nghiện thuốc phiện, người gầy đét gối chiếc gối xếp nằm dài bên bàn đèn, trên sập gụ. Ông có vẻ khó tính nhưng thực ra rất tốt. Ông coi cậu bé như con cháu trong nhà, không lấy tiền trọ, còn tiền thì đến mùa, mẹ hoặc chị chèo đò chở thóc lên trả tiền ăn cả năm cho cậu.

Đốc học trường tỉnh là thầy Phạm Phú Lượng, thầy giáo dạy học là thầy Đào Duy Anh, hai thầy được học trò kính mến.

Cậu Giáp học giỏi, chỉ phải học một năm lớp nhì năm thứ nhất (cours moyen première année) lên thẳng lớp nhất (cours supérieur). Bé nhỏ so với các bạn trai cùng lớp, xinh xắn trắng trẻo như con gái, cậu ngồi bàn đầu cùng với các bạn gái: Cô Vân, cô Chành, cô Nguyệt... "Nhất quỷ nhì ma, thứ ba học trò", lũ bạn luôn luôn trêu chọc, có thói quen xô đẩy, ghép đôi. Cậu Giáp đi qua nhà các cô cũng bị các bạn trêu. Nhưng, cậu chỉ cắm đầu vào học. Hai năm học ở trường tiểu học Đồng Hới, cậu luôn đứng đầu lớp và vào kỳ thi tốt nghiệp bậc sơ học (certificat d'étude primaires) cậu đỗ đầu tỉnh. Thời ấy, việc đỗ đầu tỉnh có tiếng tăm lắm. Gia đình hoan hỉ. Cậu về làng được quý trọng.

Để tiếp tục học lên bậc trung học, cậu phải vào tận trong Huế để thi vào trường Quốc học. Phải khai tăng thêm lên một tuổi mới đủ tuổi thi. Cậu Giáp coi thường kỳ thi chuyển cấp này: "Mình là thủ khoa đầu tỉnh, đương nhiên có quyền vào học trường Quốc học. Cả cái xứ Trung Kỳ này có

12 tỉnh và một đạo mà nhà trường tuyển chọn những 90 học sinh cho hai lớp đệ nhất niên, làm gì mà chẳng trúng!”.

Vậy mà khi vào thi tuyển, cậu Giáp bị rớt. Vì sao? Làm sao lại có thể hỏng thi được? Cậu Giáp không rõ.

Cậu Giáp đành phải trở lại quê nhà, lấy sách vở ôn lại các chương trình văn, toán, chờ đến kỳ thi sau. Việc thi hỏng làm cho mọi người trong gia đình phiền muộn. Việc học hành của cậu Giáp vốn là niềm tự hào, là hy vọng của cả nhà, đặc biệt là ông thân.

Mùa hè năm 1925, ông thân đưa cậu Giáp vào Huế tìm nhà trọ học để ôn thi. Vào kỳ thi năm ấy, cậu đỗ loại khá (mention assez bien).

Việc vào Huế học là cả một sự tổn kém đối với gia đình. Nhưng thầy đã quyết, mẹ và các chị làm lụng xoay xở kiếm tiền nuôi cậu ăn học.

Chia tay với quê hương. Vĩnh biệt tuổi thơ bên dòng sông Kiến Giang và Nhật Lệ. Cậu Giáp đi với ông thân sang bên cát, làng Cửi, ngắm nhìn cồn cát trắng, chờ xe ô tô đi Huế.

Rặng cây ngô đồng An Hoài đón cậu vào Huế. Cậu bước vào cổng trường Quốc học vào lúc phong trào đấu tranh đòi thực dân Pháp trả tự do cho nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu đang sôi sục.

Cuộc gặp gỡ với người bạn cùng lớp lớn tuổi hơn: Nguyễn Chí Diểu, các hoạt động trong phong trào học sinh, các cuộc tiếp xúc với các thầy giáo có tâm huyết: Thầy Võ Liêm Sơn, thầy Cao Xuân Huy, thầy Đặng Thai Mai... đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đời của cậu thiếu niên Võ Nguyên Giáp. Cậu vô Huế để học lập tức bị cuốn ngay vào một cơn lốc chính trị của thời đại.

Trận Xuân Bồ cũng là một điển hình của việc đánh giáp lá cà. Tôi ghi lại một mẫu chuyện tôi đã viết theo lời kể lại :

Trận giáp lá cà ở Xuân Bồ, Quảng Bình dậy tiếng oanh liệt vào gần cuối Kháng chiến chống Pháp tại Bình Trị Thiên giữa bộ đội chủ lực với bọn lính legion và Commando của Pháp là một minh chứng bi hùng sáng chói. Anh Vệ quốc đoàn tên là Bình bị bắn nát tay phải đã nhảy chồm lên dùng sức bật của cơ thể cắn vỡ yết hầu của người sỹ quan comando Pháp cao lớn. Cả hai người lẫn lộn lốc xuống sông . Quân Pháp tan nát rút chạy. Mấy hôm sau, có hai xác người nổi lên. Người lính Việt nam ngậm yết hầu giặc không buông. Đến mức không cạy ra được, người ta phải dùng dao khoét yết hầu vỡ nát của giặc, rồi lóc dần từng miếng cho miệng liệt sỹ được sạch sẽ . Đến nay, cứ mỗi dạo thu về, dân vùng Xuân Bồ vẫn ra bờ sông cúng anh. Nước mắt trong bao nhiêu năm ấy có lẽ cũng chảy thành sông trong lòng mỗi chúng ta.

Mai này có điều kiện, chúng ta sẽ dựng lại tượng người chiến sỹ Việt nam bé nhỏ bị Tây đè lên người, miệng vẫn không nhả yết hầu giặc... tại Xuân Bồ

To BrodaRu: Bác cần trích dẫn chỗ nào thì chỉ trích dẫn chỗ đó thôi chứ ạ? Bác trích nguyên cả bài thế này dài quá, kéo mãi mới đọc được bài của bác!

Chương II: Tuổi thiếu niên

Bạn bè cùng chí hướng

Không kể lần đầu vô Huế mùa thu năm 1924 để dự thi vào trường Quốc học và năm ấy thi trượt phải quay gót về quê, thì đến mùa hè năm 1925, cậu thiếu niên Võ Nguyên Giáp mới vào ở hẳn trong Huế. Cũng như lần trước, cậu đến ở nhà một ông Thị lang người Quảng Bình, nhà ở trên con đường cửa Đông Ba đi vào Hộ thành, gần miếu Âm hồn.

Cậu theo học ở một trường tư ngoại thành để ôn thi. Trường có thầy giáo Sác dạy giỏi, thầy chú ý ngay đến cậu học trò Quảng Bình sáng dạ. Thầy có ý mến, nhiều lần gọi cậu đến để chỉ vẽ thêm. Cậu nhớ ở gần trường có cây đa to.

Ở nhà ông Thị lang, cậu chơi thân với con trai ông tên là Thản. Hai cậu cùng tuổi, cùng thích chơi khăng. Một hôm ông Thị lang vào châu vua, mỗi cậu xách một chiếc hia đi theo ông để được xem vua ngự. Lúc đó trời chưa sáng, hai cậu chờ mãi không thấy vua, chỉ thấy văn võ bá

quan mũ cánh chuồn, áo thụng. Xem một lúc chán, hai cậu chuồn về. Bạn chơi khăng còn có cậu Huy, con cô Ba Thành Thái. Tiếng cậu Giáp học giỏi đến tai cô Ba, cô mời cậu Giáp về nhà giúp cho cậu Huy cùng học. Nhà cô ba ở phố Đông Ba gần cầu Gia Hội và cầu Đông Ba, nhà không to nhưng sang trọng, đời sống trưởng giả, giàu có. Cô Ba chung vốn với người em là ông Nghị Trình mở rạp chiếu bóng “Xinê Tân Tân”, các bạn trẻ thường rủ nhau đến xem, mê nhất là vua hề Charlot. Ở nhà cô Ba, cậu Giáp nghe kể về ông vua yêu nước Thành Thái, cậu cũng nghe kể về ông nọ bà kia làm giàu. Ông Bửu Thạch ở phố Gia Hội biết cậu Giáp học giỏi cũng mời cậu đến nhà cùng học với con gái ông là cô Tôn Nữ Thị Vui. Một hôm ông gọi bà bán khoai vào mua cho các bạn trẻ. Cậu Giáp rất ngạc nhiên khi nghe ông trả tiền: “Mẹ ban cho mi mấy xu”. Trong thời gian này, ở lớp học của thầy giáo Sắc, cậu Giáp làm quen với một người bạn lớn tuổi hơn tên là Nguyễn Chí Diểu cũng đang ôn thi. Đây là người bạn rất thân của cậu trong thời niên thiếu và là người ba năm sau giới thiệu Võ Nguyên Giáp vào Tân Việt cách mệnh đảng. Anh Diểu hơn anh Giáp ba tuổi, đáng về điểm đậm, hai con mắt sáng đầy nghị lực và tự tin, người dong dong cao, rắn chắc. Quê anh Diểu ở Phú Mậu. Gia đình anh Diểu cũng là nhà nghèo. Hai người bạn tuy mới quen nhưng rất thân, gắn bó với nhau không chỉ vì chung một cảnh học trò nghèo mà còn có điều gì như là chung một suy nghĩ, chung một chí hướng. Anh Diểu rủ bạn về ở cùng nhà trọ với mình, nhà một người dân nghèo ở dưới chân thành, gần cửa Đông Ba. Căn nhà tranh này về sau trở thành một điểm liên lạc bí mật của đảng Tân Việt. Sau nhà có cây ổi to, anh Diểu hay trèo lên hái quả tặng cho bạn. Chẳng mấy chốc đến mùa thi. Bờ sông Hương, hoa phượng vĩ khoe màu đỏ rực. Hai người bạn ăn mặc chỉnh tề, áo dài đen, quần vải trắng, đi guốc mộc, bước vào cổng trường, trên lầu có treo chuông mang biển: “Pháp tự Quốc học trường môn”. Kết quả kỳ thi năm 1925: Anh Nguyễn Chí Diểu đỗ loại khá, anh Giáp đỗ thứ nhì, người đỗ đầu là anh Nguyễn Thúc Hào. Anh Hào năm ấy 13 tuổi, người nhỏ nhắn vừa đỗ bằng tiểu học ở Nha Trang ra. Cả ba người đều được xếp vào cùng một lớp: Đệ nhất niên A, anh Hào ngồi bàn đầu cùng với anh Giáp. Anh Nguyễn Thúc Hào sau này là giáo sư, được phong danh hiệu “Nhà giáo nhân dân” kể lại trong Đặc san kỷ niệm Quốc học Huế 95 năm (1896-1991): “Trong kỳ thi vào Quốc học, tôi đỗ đầu (anh Tạ Quang Bửu có nhớ và viết trong một bài ở báo Sông Hương) còn anh Võ Nguyên Giáp đỗ thứ hai. Tôi còn nhớ anh Giáp trắng trẻo như con gái, tuy đỗ thứ hai, nhưng suốt cả năm học đệ nhất niên, tháng nào anh cũng được làm “major”, nghĩa là đầu lớp, mà tôi thì luôn luôn đứng thứ hai. Học tài thi phận là vậy! Tôi vẫn còn nhớ trong lớp hai chúng tôi ngồi gần nhau, tuy vậy không phải là một đôi bạn thân. Anh Giáp hơn tôi một tuổi, nhưng đã có những suy nghĩ của người lớn, còn tôi lúc ấy chỉ là một cậu bé chăm học và ngoan, để bảo thể thôi. Các giáo sư Việt cũng như Pháp đều tỏ vẻ bằng lòng đối với hai chúng tôi, nhất là đối với anh Giáp, học giỏi. Tôi còn nhớ cả cách gọi tên anh Giáp của bà giáo Pháp, không có chữ lót “Nguyễn” và không có dấu...”. Anh Nguyễn Thúc Hào nhớ đúng: Khi ấy tên anh Giáp không có chữ lót Nguyễn, đó là do anh Giáp khi làm đơn xin học trường tỉnh rồi dự thi vào trường Quốc học đều cắt bỏ chữ lót của tên mình. Điều này khiến ông thân bức, ông đã mắng anh Giáp một trận và bắt anh khai lại đúng như tên cha mẹ đặt cho. Vào trường Quốc học, anh Giáp đã nghe tiếng những người học giỏi ở các lớp trên: Anh Phan Bội (em anh Phan Thanh), anh Tạ Quang Bửu khi ấy đã nổi tiếng học giỏi và ham nghiên cứu khoa học. Anh Bửu nói chuyện về vô tuyến điện và cắt khoai ra làm mô hình.

Gặp lại bài về năm xưa

Bài học lịch sử đầu tiên gây ấn tượng sâu sắc đối với anh Giáp từ lúc còn nhỏ là bài về *Thất thủ kinh đô*. Lúc ấy, đêm đêm nằm ngủ với thầy, anh đã nghe ông thân kể về. Đến khi vào Huế, anh lại nghe các cụ già kể về trong lễ tế Âm hồn. Huế có tục tế Âm hồn. Hàng năm cứ đến ngày 23 tháng 5 (âm lịch) dân chúng các phường tổ chức ngày giỗ chung của tất cả các gia đình nội ngoại thành Thuận Hoá bị giặc Pháp tàn sát hôm ấy. (Kinh đô Huế thất thủ ngày 23 tháng 5 Ất Dậu, Hàm Nghi nguyên niên; tức là ngày 5-7-1885). Lễ quây cơm chung có đặt bàn thờ, vài nén hương, một ít dưa đỏ, một chum nước chè, một

chồng bát, chiếc gáo, dưới đất âm ỉ một lò bếp lửa.

Tế xong, các cụ già kể về *Thất thủ kinh đô*. Bài về này ra đời từ cuối thế kỷ 19, viết bằng chữ

Nôm, thể lục bát dài 1535 câu.

Bài về mở đầu bằng sự kiện thất thủ Thuận An (Thuận An thất thủ ngày 18 tháng 7 năm Quý Mùi tức ngày 20-8-1883).

Năm Mùi thất thủ Thuận An

Tài gia bá học các làng kêu ca

Đàn ông cho chí đàn bà

Hưu trí hưu dưỡng ai mà chẳng xung

Nam triều chán chí kẻ anh hùng

Để Thuận An thất thủ khổ trong đoạn tình...

Đáng chú ý là khi ấy, dân chúng Huế đã tự vũ trang (nói theo danh từ ngày nay). Bên cạnh quân triều đình, "*Dân làng phải có trong tay. Không dao thì mác mũi rày cho thông*".

Nhưng triều đình Huế dưới áp lực của quân xâm lược Pháp phân hoá thành hai phe: Chủ chiến và chủ hoà. Tôn Thất Thuyết chủ trương chiến đấu bảo vệ kinh đô Huế. Nguyễn Văn Tường chủ trương nhượng bộ. Đêm 22 rạng ngày 23 tháng 5 Ất Dậu, Tôn Thất Thuyết đem quân đánh vào trại giặc đóng ở Mang Cá. Cuộc tấn công thất bại. Kinh đô Huế thất thủ. Giặc Pháp đàn áp dã man.

Tôn Thất Thuyết phò vua Hàm Nghi xuất bôn. Vua phát hịch Cần Vương. Nguyễn Văn Tường đầu hàng quân Pháp, ra lệnh lùng bắt nhà vua. Trên đường ra sơn phòng Quảng Bình, Hà Tĩnh, những người kháng chiến gặp phải muôn nỗi gian truân. Thực dân Pháp đặt ách thống trị. Dân ta khổn khổ trăm bề...

Bài về là tiếng nói dân gian kể lại những sự kiện trên một cách mộc mạc, chân thực. Đoạn thì hùng hồn như một bài ca chiến đấu, đoạn thì than vãn tủi hờn như một chương thâm sử, đoạn thì đánh thép như một bản cáo trạng.

Dự lễ tế Âm hồn, lòng cậu thiếu niên nặng trĩu. Gầm trời kinh đô Huế ảm đạm một màu. Rêu phong phủ xanh thành quách. Tiếng súng Cần Vương đã im bật từ lâu. Nhưng các Âm hồn vẫn sống trong lòng dân xứ Huế. Hồn nước như phẳng phát đầu đây.

Chiều chiều trước bến Văn Lâu

Ai ngồi ai câu

Ai sầu ai thăm

Ai nhớ ai trông

Thuyền ai thấp thoáng trên sông

Buông câu mái đẩy chạnh lòng nước non.

Câu hò gọi lên trong lòng cậu thiếu niên nỗi niềm yêu nước thương nòi. "*Khô héo lá gan cây đĩnh Ngự. Đầy vơi giọt lệ nước Sông Hương*".

Khi dự lễ tế Âm hồn, anh Giáp cảm thấy thật là buồn. Nhưng không phải là một nỗi buồn bị luy mà buồn để vượt khỏi. Ở tuổi thiếu niên, anh đã hiểu được nỗi nhục nhả của người dân mất nước. Và chính tại Huế, tuổi thiếu niên của anh Giáp đã gặp buổi bình minh của thời đại mới. Các thế hệ trước thì mờ mịt, thất bại bế tắc, quần quai trong đêm dài nô lệ. Thế hệ sau là thế hệ Cách mạng tháng Tám thì vùng lên ào ạt trong ánh nắng ban mai. Còn thế hệ của anh Giáp lớn lên trong buổi tranh tối tranh sáng.

Tử sách cụ Phan hứa tặng

Năm học đệ nhất niên (1925-1926) của anh Giáp là một năm đầy biến động. Kinh đô Huế nhỏ bé và cổ kính, nơi mà cuộc sống tưởng như ngưng đọng im lìm, nay bỗng rộn rã hẳn lên trong hai phong trào liên tiếp: Đòi ân xá cụ Phan Bội Châu và để tang cụ Phan Chu Trinh.

Trong hai mươi lăm năm đầu thế kỷ 20, Phan Bội Châu là nhân vật trung tâm của cuộc vận động cứu nước. Sau khi phong trào Cần Vương tàn lụi, ba tiếng Phan Bội Châu nhen lên niềm hy vọng. Hồi đó không có một cuộc vận động yêu nước nào từ chủ trương ôn hoà đến các cuộc đấu tranh kịch liệt là không ít nhiều chịu ảnh hưởng của tinh thần Phan Bội Châu.

Trong tâm trí, trong tình cảm của cậu thiếu niên Võ Nguyên Giáp và các bạn anh, Phan Bội Châu là hình ảnh cao cả của một vị anh hùng dân tộc. Cuộc đời “Ba đào tần khổ khắp chân trời góc biển”, tinh thần kiên quyết đấu tranh đòi độc lập tự do cho dân tộc, những áng văn, những vần thơ như viết bằng máu nóng và nước mắt của cụ đã thức tỉnh biết bao người Việt Nam, đã làm rạo rực lòng yêu nước thương nòi của biết bao thanh niên hồi ấy.

Bởi vậy khi đế quốc Pháp bắt cóc cụ Phan Bội Châu (30-6-1925) tại Thượng Hải (Trung Quốc) rồi đưa về Hà Nội xét xử tại toà Đại hình (23-11-1925) thì một phong trào đấu tranh đòi ân xá cho cụ Phan Bội Châu cuộn cuộn dâng lên khắp ba kỳ. Mọi tầng lớp dân chúng đều vùng dậy, đặc biệt là thanh niên học sinh, sinh viên.

Ở Huế, ngày 1-12-1925, thay mặt cho giáo viên và học sinh trường nữ học Đồng Khánh, chị Trần Thị Như Mân (bà Đào Duy Anh sau này) và chị Hoàng Thị Vệ (bà Thân Trọng Phước sau này) đánh điện gửi toàn quyền Varenne ở Hà Nội: “Chúng tôi, nữ giáo viên và nữ sinh Đồng Khánh, xin ngài lấy lòng khoan dung ân xá cho nhà ái quốc Phan Bội Châu”.

Tại trường Quốc học, các anh Nguyễn Chí Diểu, Nguyễn Khoa Văn, Võ Giáp và một số bạn học đi vận động lấy chữ ký vào đơn gửi toàn quyền Varenne.

Trước sức mạnh đấu tranh của dân chúng, thực dân Pháp buộc phải huỷ bản án khổ sai chung thân và đưa cụ Phan Bội Châu về an trí tại Huế.

Pháp và Nam triều tưởng rằng họ có thể hạn chế mọi hoạt động của cụ và ảnh hưởng của cụ sẽ bị chôn vùi. Nhưng họ đã tính nhầm. Sự có mặt của cụ đã khuấy động kinh thành Huế. Một tờ báo Pháp hồi đó đã phàn nàn rằng: Sao không để cho Phan Bội Châu chết dần chết mòn ở Trung Quốc có phải là khôn hơn không? Ai đời đi bê cái lão già ấy về để gây ra bao nhiêu chuyện rắc rối?

Cụ Phan về Huế trú tại Bến Ngự. “Ông già Bến Ngự” trở thành một biểu tượng có sức thu hút thức tỉnh lòng người. Nhiều người gần xa đến vấn an, xin bài yết cụ, tặng quà cụ. Dù biết rõ rằng cụ đang bị giam lỏng và lui tới thăm cụ sẽ bị mật thám theo dõi, họ vẫn đến, bất chấp mọi nguy hiểm có thể xảy ra cho họ. Được hầu chuyện cụ, nghe cụ giảng giải, bình văn, ngâm thơ, họ như bừng tỉnh.

Không ít người noi gương cụ muốn dán thân vào cuộc đấu tranh để đòi lại quyền độc lập cho đất nước.

Ở cái tuổi 14, 15, đầy nhiệt huyết, anh Giáp cùng nhiều bạn học sinh Quốc học, Đồng Khánh và các trường khác ở Huế thuộc lớp người ấy. Thử năm hàng tuần, anh Giáp và các bạn kéo nhau đến nghe cụ nói chuyện. Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, anh Giáp vẫn còn nhớ ngôi nhà cụ Phan trên dốc Bến Ngự. Một nếp nhà tranh đơn sơ nhưng rộng rãi, quanh nhà có vườn. Dưới cầu Bến Ngự, một chiếc thuyền nan.

Trong nhà treo ba bức ảnh: Thích ca Mâu Ni, Tôn Dật Tiên, Lenin. Ba bức ảnh này nói lên phần nào quan điểm triết học và chính trị của cụ. Cũng có thể qua đó mà thấy sự chuyển biến về xu hướng của cụ trong quá trình đi tìm đường cứu nước.

Mọi người đều biết: Lúc đầu Phan Bội Châu cũng chủ trương bảo hoàng. Tiếp xúc với các nhà dân chủ chủ nghĩa Trung Quốc, Phan Bội Châu theo hướng dân chủ. Cuối cùng chỉ mấy tuần trước khi bị bắt, nhận thấy chỉ có cách mạng vô sản mới thực hiện được hy vọng cứu nước, Phan Bội Châu đã nghĩ đến việc đi tìm Nguyễn Ái Quốc... Còn Nguyễn Ái Quốc thì trong bài báo nhan đề *Những trò lố bịch hay là Varenne và Phan Bội Châu* đăng trên tờ La Paria số 36-37 tháng 9-10 năm 1925 đã gọi Phan Bội Châu là “Bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập”.

Anh Giáp kể rằng trong dịp cụ Phan 60 tuổi, có một bài thơ chúc thọ cụ do ông Võ Liêm Sơn khi ấy là giáo sư trường Quốc học làm ra, học sinh đem về ngâm nga thích lắm. Và anh Giáp đọc:

*Phan tiên sinh là người hào kiệt
Mười năm xưa đọc hết thánh hiền
Gặp cơn đất đổ trời nghiêng
Lòng mẫn thế ưu thiên chan chứa
Nào những lúc câu thơ kiến chí
Bút anh hùng nhả khí phóng lôi
Cũng có khi chén rượu mua vui
Giương mắt trắng trông đời cười ha hả
Thà không trời đất không chi cả
Còn có non sông có lẽ nào?
Tuỳ thân một chiếc đoản đao
Đoái Hồng Lĩnh cao cao chín chín nhon
Biển Thái Bình ào ào sóng cuộn
Nước non nhà giấc mộng vẫn mê
Hai mươi năm sinh tử lưu ly
Chí đồ nam vẫn chờ khi gió tiện
Dẫu gan sắt ai lay chẳng chuyển
Nhưng nước đời lắm chuyện trên người
Ở trong hoặc cũng có trời
Thân già lại thanh thoi nơi cổ thổ*

Anh Giáp kể rằng học sinh ai ai cũng thích, thấy hay thật là hay. Nhưng ai ngờ cụ Phan bực. Cụ bực vì ông Võ Liêm Sơn nói cụ “*thanh thoi nơi cổ thổ*”!

Anh Giáp kể rằng hồi đó anh được cụ Phan chú ý và rất thương. Cụ có mấy chục bộ sách cổ kim, thấy anh Giáp hăng hái nhiệt tình và ham học, cụ bảo: “Khi nào tôi mất, tủ sách này để lại cho cậu Giáp”.

Tính cách cụ khí khái, tính tình cụ dễ dãi. Đặc biệt sự nghiệp văn chương yêu nước của cụ hấp dẫn thanh niên. Trong học sinh có phong trào ghi chép và học thuộc thơ văn của cụ. Mỗi người dành một cuốn sổ bìa đẹp chép các văn thơ ái quốc, ái chủng, ái quần của cụ.

Bài thơ có ảnh hưởng lớn đối với anh Giáp và các bạn anh là Bài thơ chúc Tết thanh niên của cụ nhân dịp Xuân Bính Dần (1926)...

*Dậy! Dậy! Dậy!
Bên án một tiếng gà vừa gáy
Chim trên cây liền ngỏ ý chào mừng
Xuân ơi Xuân, Xuân có biết chăng?
Thẹn cùng sông, buồn cùng núi, tủi cùng trăng
Hai mươi năm lẻ đã từng chua với xót
Tháng ngày khuây khoả lũ đầu xanh
Thưa các cô, các cậu, lại các anh
Trời đã mới người càng nên đổi mới...
Mở mắt thấy rõ ràng tận vận hội
Ghé vào vác xóc vác cựa giang san
Đi cho êm, đứng cho vững, trụ cho gan
Giây đoàn thể quyết ghe phen thành nghiệp lại
Ai hữu chí từ nay xin gắng gỏi
Cời lốt xưa mà tu dưỡng lấy tinh thần
Chẳng thêm chơi, chẳng thêm mặc, chẳng thêm ăn
Đúc gan sắt để dùi non lấp bể
Xối máu nóng rửa vết như nô lệ*

*Mới thế này là mới hồi chư quân
Chữ rằng: Nhật nhật tân, hựu nhật tân.*

Anh Giáp kể một chuyện chứng tỏ cụ Phan rất quan tâm đến thế hệ trẻ. Hồi đó có một nữ sinh Đồng Khánh người Việt gốc Hoa tên là Vạn Xuân cùng với bạn trai là Tôn Thất Lập, hai người đi ô tô không may bị tai nạn chết. Học sinh hai trường làm lễ truy điệu, cụ Phan gửi đến một điều văn.

Ngày 17-3-1926, cụ Phan đến nói chuyện tại trường Quốc học. Anh Khương Hữu Dụng kể lại trong Đặc san kỷ niệm Quốc học Huế 95 năm (1896-1991):

“Anh em học sinh chúng tôi tập trung trong sân chơi của trường. Bỗng rào rào như ong vỡ tổ, hàng ngũ học sinh xáo động. Một ông già quắc thước, áo dài thâm quần vải trắng với đôi mắt sáng quắc, chùm râu quai nón đốm bạc, xuất hiện uy nghi, trượng phu...”

Mọi người cố chen nhau đến gần cụ như muốn được nghe rõ hơn, thấu đáo hơn tiếng nói của con người gần như đã trở thành huyền thoại. Cụ già trìu mến nhìn đám học sinh trẻ...

Giọng Nghệ An âm vang như tiếng cồng: “Anh em khỏi phải chen nhau, tôi nói to lắm, tận sân ngoài cũng có thể nghe rõ”. Hàm răng giả long ra, suýt rơi. Cụ lấp lại, cười và sang sảng nói tiếp giữa những tràng vỗ tay kéo dài những lời tha thiết. Cụ cứ láy đi láy lại một điệp khúc đại uý dứt, thức tỉnh: “Rượu tây, cơm tây, quần áo tây, xe tây, lầu tây... Học đường nô lệ, giáo dục nô lệ, nhân tài nô lệ, nô lệ ưu đẳng”(...)

... Cái mục đích người nước ta ngày nay vào học chẳng qua vì cầu quan to, hót đồng bạc tốt, để làm môi giới cho rượu tây, cơm tây, đồ mặc tây, xe tây, lầu tây mà thôi ư? Cái hồn quốc dân ta còn mong gì sống được?

Chao ôi! Trời ơi! Thật có như thế ru! Câu hỏi của cụ như xoáy sâu vào tâm trí đám học sinh chúng tôi và khơi dậy những suy nghĩ xung yếu khẩn thiết về lẽ sống...”.

Toàn chuyện bô lão! Thời í, mặt thám Tây như rươi. Cụ Phan sau khi bị mặt thám Pháp bắt tại Tàu, khi bị an trí tại Bến Ngự là ngoài sân đầu ngõ từ lý trưởng, chánh tổng, mặt thám, tri huyện nó ra vào dòm ngó còn quá công an khu vực với công an quận bị chừ. Do đó, nhà cụ Phan ngày í bị bao vây kinh tế rất khó khăn; nhà cụ Phan Bội Châu nghèo còn phải cưu mang thêm con cháu vài người đồng chí tử nạn trước nữa nên cơm độn còn không đủ mà ăn. Thế mà tư liệu các nhà "giết sử" bây giờ thì đưa ra nào là Phan Đăng Lưu, nào là Võ Nguyên Giáp lâu lâu tạt qua nhà cụ Phan thụ bi-da, hát karaoke, rồi cụ Phan còn ngao du giang hồ như là Hồng Thất Công đi đây đi đó để diễn thuyết nữa. Cỡ các chú tép riu Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội ở tận bên Tàu, bên Xiêm như Lý Thụy, Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu mà hắt xì hơi một cái là mặt thám Tây nó đã bu lại rồi, còn đường hoàng một tay cầm đầu khủng bố Al Quaeda cỡ cụ Phan Bội Châu, đảng trưởng Việt Nam Quang Phục Hội, sáng lập viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, người chịu trách nhiệm nhiều vụ khủng bố tại biên giới Việt Hoa, Hà Nội, Thái Lan, đầu nậu áp phe chuyển vũ khí về nước cho Hoàng Hoa Thám, người cộng tác với tình báo Đức, bị an trí tại Huế mà Tây nó để cho "quần chúng tiên bộ" như Võ Nguyên Giáp, Phan Đăng Lưu lân la bàn chuyệnyêu nước thì là chuyện lạ đời, kể cả nhà văn Nguyễn Mạnh Tuấn trù viết phim bộ tại Sài Gòn cũng còn kém trí tưởng tượng xa.

Trung với Đảng - Hiếu với Dân - Khó khăn nào cũng vượt qua - Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành - Kẻ thù nào cũng đánh thắng!

Bác MDB tái nạm rồi à? Lâu lắm rồi mới có chuyện để bác ghé mắt vào chơi hí!

Bác MDB đừng nói ngược nhá! Thời đấy có tự do dân chủ hơn nhiều, thu nhập cao hơn thời nay hần! Đã có người chứng minh với đầy đủ lập luận hần hoi cơ mà! Bác nói thế là bác cũng bị bọn người xấu nó nhôi... cho, phải cần đến thầy lang để chữa đấy!

Mà bác ơi, cụ Phan mới chỉ bị an trí, mặt thám nó đầy đường nhưng nó cần theo dõi để úp tron ổ, chứ nào phải lai rai mấy chú nhỏ nòng nân nhiệt huyết đâu. Cua bị vật càng làm mỗi câu còn câu được cá lớn, chứ ngốc nghếch gì mà ăn tươi nuốt sống, chỉ tổ đau bụng thêm. Quần chúng

có khi nhân cơ hội ấy còn ... ồn ào hơn đấy chứ!

Ngay như Nguyễn Văn Tạo, chính hiệu Quốc tế 3, đào tạo ở Nga về, đảng viên CS Pháp, còn tranh cử, ứng cử thành ông Hội đồng nữa là. Nước Pháp nổi tiếng Tự do - Bình đẳng - Bác ái mà! Tại dân An Nam không biết hưởng thôi (mà nè, có hưởng cũng hưởng vừa vừa thôi, hưởng quá mầu quốc vật... đấy!)

.. tư liệu các nhà "giết sử" bây giờ thì đưa ra nào là Phan Đăng Lưu, nào là Võ Nguyên Giáp lâu lâu tạt qua nhà cụ Phan thụ bị-da, hát karaoke, rồi cụ Phan còn ngao du giang hồ như là Hồng Thát Công đi đây đi đó để diễn thuyết nữa. => Tư liệu ở đâu thế bác? Mà cụ Phan hình như chỉ đi lại trong Huế cơ mà?

Truy điệu cụ Phan Chu Trinh

Bây ngày sau cuộc diễn thuyết của cụ Phan Bội Châu tại trường Quốc học, có tin cụ Phan Chu Trinh tạ thế tại Sài Gòn. Phan Chu Trinh (1872-1926) biệt hiệu Tây Hồ là một nhà ái quốc lớn trong thời gian đầu thế kỷ 20. Chính kiến của cụ Phan Chu Trinh khác với cụ Phan Bội Châu. Cụ Phan Chu Trinh chủ trương cải cách không bạo động. Lập trường của cụ được nêu ra trong bản điều trần gửi Toàn quyền Đông Dương trình bày tình cảnh khổ cực của dân chúng là do thuế khoá nặng nề, do quan lại tham tàn và đề nghị chính quyền Pháp ở Đông Dương ban bố một số cải cách bảo đảm quyền lợi tối thiểu cho dân chúng. Trước hết bãi bỏ chính quyền quân chủ bù nhìn, thay thế bằng một chính quyền có đại diện của dân.

Phan Chu Trinh cùng với Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp thực hiện công cuộc Duy Tân khai hoá ở tỉnh nhà (Quảng Nam). Nhiều học hội, thương hội, thư xã... được thành lập nhằm mở mang dân trí, thúc đẩy hoạt động nông công thương. Phan Chu Trinh viết bài Tỉnh quốc hồn ca nhằm thức tỉnh lòng dân.

Phan Chu Trinh bị bắt giữa lúc phong trào chống thuế diễn ra quyết liệt khắp Trung Kỳ (1908). Trần Quý Cáp bị án tử hình. Phan Chu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng bị án tù chung thân, bị đày đi Côn Đảo. Năm 1911, nhờ sự can thiệp của Hội nhân quyền Pháp và của các nghị sĩ thuộc Đảng xã hội trong Nghị viện Pháp, Phan Chu Trinh được ân xá và đưa qua Pháp an trí ở Paris. Tại đây, Phan Chu Trinh liên hệ mật thiết với người thanh niên Nguyễn Ái Quốc và từng tham gia ý kiến vào bản kiến nghị mà Nguyễn Ái Quốc gửi cho Hoà hội Versailles năm 1991. Nguyễn Ái Quốc kính phục lòng yêu nước của bậc tiền bối Phan Chu Trinh nhưng không tán thành chủ trương của cụ.

Năm 1925, Phan Chu Trinh về nước, tuổi già sức yếu nhưng vẫn hoạt động. Cụ có ý định thăm cụ Phan Bội Châu lúc đang bị giam lỏng ở Huế, thăm các cụ Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế bàn việc đấu tranh cho dân chủ, dân quyền. Cụ diễn thuyết ở Sài Gòn về *"Đạo đức và luân lý Đông, Tây"*, *"Quân trị và dân trị"*. Cụ lâm bệnh mất tại Sài Gòn ngày 24-3-1926.

Phong trào đề tang cụ Phan Chu Trinh lan rộng khắp cả nước như một quốc tang do dân chúng tổ chức, bất chấp sự ngăn cản, khủng bố của thực dân và quan lại. Những người đề tang cụ chẳng những tỏ lòng thương tiếc nhà chí sĩ, mà còn tỏ rõ ý chí của mình. Tại Sài Gòn, ngày 4-4-1926, hàng chục vạn người đi đưa đám cụ. Sài Gòn biến thành một biển người công khai biểu dương lực lượng chống bọn thống trị thực dân. Ở Hà Nội, mặc dầu nhà cầm quyền Pháp đã bố trí lính gác để đe dọa, hàng vạn người vẫn đến viếng cụ tại chùa Hai Bà. Các cửa hiệu đóng cửa. Học sinh, sinh viên đeo băng tang.

Ở Huế, lễ truy điệu nhà yêu nước được tổ chức trọng thể tại Hội quán Hội đồng hương Quảng nam. Cụ Phan Bội Châu đứng ra làm chủ lễ. Bài diếu văn thống thiết do cụ viết được một phụ nữ có uy tín nổi tiếng ở Huế là bà Đạm Phương đọc (Bà Đạm Phương là mẹ anh Nguyễn Khoa Văn tức Hải Triều sau này).

Nhiều cuộc truy điệu được tổ chức trong thành phố, thu hút sự tham gia đông đảo của dân chúng. Học sinh trường Quốc học muốn tổ chức lễ truy điệu, nhưng nhà trường cấm và không

^=^ **Đặng Hoàng Hải** ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

cho học sinh đeo băng tang trong lớp. Lễ truy điệu được tổ chức tại nhà trọ của anh Giáp lúc này đã rời đến một ngôi nhà trên dốc Bến Ngự, nơi có nhiều học sinh Quốc học ngoại trú, giữa nhà đặt bàn thờ.

Anh Giáp và các bạn đã xoay xoà mượn đủ lư đồng, giá nến. Bạn học đến chập nhà, ai nấy đều đeo băng tang. Trong khói hương nghi ngút, những người dự lễ nghe đọc bài văn tế và tuyên thệ trước hương hồn nhà yêu nước.

Những hoạt động của học sinh Quốc học, Đồng Khánh và các trường khác cùng đông đảo nhân dân tham dự lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh đã náo động kinh đô Huế. Mật thám theo dõi, ghi tên một số người vào sổ đen.

he he , Xuân Bò gần nhà tôi (đi bộ khoảng 2 km) . Hồi nhỏ tôi học ở trường tiểu học Xuân Bò nên ko lạ gì chỗ đó đâu . Lâm Ủy không phải là người Quảng Bình , anh là người Thanh Hoá . Còn nữa , không có chuyện "Đến nay,cứ mỗi dạo thu về,dân vùng Xuân Bò vẫn ra bờ sông cúng anh" như bác nói 😊Hơi phũ phàng phải không ? Nhưng đó là sự thật . Xuân Bò rất nghèo , nghèo thôi rồi luôn . Dân ở đó ít học nên thanh niên khá gấu , bọn thanh niên làng tôi thường choảng nhau với bọn đó 😊😊😊

Về cụ Giáp . Quê ngoại tôi ở ngay làng cụ Giáp . Trước khi đi học tiểu học thì gần như là tôi ở với ông bà ngoại . Thực tế thân sinh cụ Giáp không phải là " một nhà nho nghèo " như các bác viết ở trên đâu . Nhà thân sinh cụ Giáp thuộc dạng phú hộ trong làng , giàu có . Sau cách mạng thì gia cảnh sa sút dần . Thời ấy ở quê tôi ko có nhiều gia đình có khả năng cho con vào học tận Quốc học Huế đâu , mà phải là gia đình giàu có , nhiều ruộng đất thì mới kham nổi . Lâu lâu cụ Giáp về thăm quê . Bây giờ nhà cụ do mấy người bà con trông coi . Mấy tay này chả làm ăn gì , toàn xin tiền lên xin tiền xuống giả vờ sửa cái này sửa cái kia trong nhà để ăn tiền nên dân trong làng cũng ghét .

Nhà tôi ở rất gần làng ông Diệm (Ngô Đình Diệm) , cách độ mấy trăm mét . Thân sinh ông Diệm là người có thế lực trong triều đình Huế trước đây . Ngoài ra còn là người có đạo đức nên dân trong vùng nể trọng . Họ hàng nhà Ngô Đình sau này đổi thành Ngô Đức hết (vì sau năm 60 họ cũng tội , bị đánh đá tan hoang)

Thời Nguyễn Văn Tạo của nhóm Cơm Sạn đệ tử Stalin và Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, nhóm Cơm Sạn đệ tử Trótxkít, ra tranh cử tại Nam Kỳ là thuộc thập niên 30 bác thái nhi ạ. Tình hình thập niên 30 khác với tình hình thập niên 20 khi cụ Phan Bội Châu bị giam lỏng tại Huế. Vào thập niên 30, Stalin bán đứng các đảng cộng sản châu Âu, liên kết với các nước tư bản để chuẩn bị chống Đức. Đảng Cộng Sản Pháp bắt đầu liên kết với phe tư bản Pháp tại chính quốc và cho ra đời phong trào Mặt trận Bình Dân. Thời Mặt trận Bình Dân này, Cộng Sản trở thành hảo bằng hữu của chính quyền Pháp tại bản quốc cũng như tại các xứ thuộc địa. Do đó, nhóm Tạo-Thâu-Hùm mới ra ứng cử được công khai. Tuy nhiên, sau này đám Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn, Dương Bạch Mai đệ tử Stalin nhận chỉ thị trực tiếp của Đảng CS Pháp là không được chơi với đám cộng của Trótxkít là Thâu, Hùm, Hồ Hữu Tường nữa, nên họ đã quay ra phản phé các đồng chí Cơm Sạn đệ tử quốc tế trong nhóm La Lutte (là nhóm làm báo và cũng là nhóm đứng ra ứng cử. Nói thế để bác thái nhi thấy là luận điệu cán bộ nhà nước của bác thái nhi so sánh chuyện cụ Phan Bội Châu với đám Nguyễn Văn Tạo, Tạ Thu Thâu là kịch cỡm.

Trung với Đảng - Hiếu với Dân - Khó khăn nào cũng vượt qua - Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành - Kẻ thù nào cũng đánh thắng!

Một bên là các tay Cơm Sạn sẵn sàng hợp tác với chính quyền thuộc địa bằng cách ra ứng cử hợp pháp, không quấy rối nền bảo hộ của các ông Tây; còn bên kia là Phan Bội Châu - một

^=^ **Đặng Hoàng Hải** ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

Osama Bin Laden của Việt Nam, mỗi lo canh cánh của chính quyền thuộc địa trong 20 năm trời. Người ta thường chỉ biết Phan Bội Châu về việc ông chiêu mộ hơn trăm sinh viên Việt Nam sang Nhật đông du. Tuy nhiên, sách giáo khoa trong nước bây giờ muốn hạ thấp thành tích hoạt động của cụ Phan bằng cách không nhắc tới các hoạt động của đảng Việt Nam Quang Phục Hội mà cụ Phan là đảng trưởng. Cụ Phan đã cử 3 nhóm sát thủ về Việt Nam: nhóm thứ nhất cầm đầu bởi Nguyễn Hải Thần - sau này là đảng trưởng Việt Nam Quốc Dân Đảng, về Hà Nội, nhóm thứ hai theo ngả Bangkok, nhóm thứ ba vào Nam kỳ. Cả 3 nhóm được chỉ thị dùng lựu đạn gây ra các hoạt động khủng bố tạo tiếng vang để khơi dậy phong trào yêu nước tại VN. Cùng lúc đó, cụ Phan cũng liên lạc và nhận được tài trợ của tinh báo Đức (không phải Đức quốc xã của đệ nhị thế chiến, mà là nước Đức dưới sự cai trị của một Kaiser thời đệ nhất thế chiến) để chống Pháp. Trong 3 nhóm, nhóm Nam kỳ làm hỏng việc hay bị bắt, họ Mộ không nhớ. Nhóm sát thủ qua Thái Lan có ném lựu đạn chết một hai tay cảnh sát Tây hạng ruồi. Còn nhóm sát thủ tại Hà Nội của Nguyễn Hải Thần thì ném lựu đạn vào một nhà hàng tại một khách sạn Tây giết được mấy sĩ quan Pháp.

Trung với Đảng - Hiếu với Dân - Khó khăn nào cũng vượt qua - Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành - Kẻ thù nào cũng đánh thắng!

Trước chiến dịch khủng bố này mấy năm, cụ Phan Bội Châu đã mật đàm với Hoàng Hoa Thám đặt trụ sở tinh báo nội địa của mình tại Yên Thế. Hoàng Hoa Thám và Phan Bội Châu tạo thành thế liên kết quân sự/chính trị Yên Thế - Việt Nam Quang Phục. Khi HHT đứng độ trở lại với Pháp lần hai, Phan Bội Châu đã thu mua hàng trăm súng tại Trung Hoa, định đưa theo đường thủy từ Mã Lai về nội địa. Số súng đầu đưa về bị Mã Lai chặn bắt được. Số súng còn kẹt lại tại Tàu, về sau Phan Bội Châu hiến cho Tôn Trung Sơn khi Trung Hoa Quốc Dân Đảng dấy quân khởi nghĩa tại Tàu.

Liên tục trong nhiều năm liền sau chiến dịch khủng bố kể ở trên, đảng viên Quang Phục Hội của Phan Bội Châu đã tấn công các đồn lẻ của Tây dọc biên giới Việt - Hoa, nhúng tay vào vụ đầu độc lính Tây tại Hà Nội. Các đảng viên Quang Phục cũng tham gia trực tiếp vào việc chỉ huy quân sự trong nghĩa quân của Hoàng Hoa Thám. Điển hình là Lương Ngọc Quyến, một học sinh Đông du của cụ Phan trong lứa đầu tiên vào 1905 cùng với Nguyễn Hải Thần. Chính tay đảng viên Quang Phục này, sau khi khởi nghĩa HHT thất bại, đã chính là người tổ chức và cầm đầu khởi nghĩa Thái Nguyên của đội Cấn về sau này.

Trung với Đảng - Hiếu với Dân - Khó khăn nào cũng vượt qua - Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành - Kẻ thù nào cũng đánh thắng!

Dạo này, bác nào chăm theo dõi tin tức Al Qaeda sẽ biết là có vài vụ tinh báo CIA hợp tác với tinh báo Saudi Arabia, Pakixtan, Syrie vây bắt mấy ổ Al Qaeda tại các nước này. Trong tất cả các lần vây bắt, đảng viên Al Qaeda đều có bắn qua bắn lại chống cự đến cùng. Lấy ví dụ này để so sánh Cơm Sạn và Việt Nam Quang Phục Hội thời ấy. Cơm Sạn thời 30 mà bác thái nhi nhắc tới là đám Việt kiều Pháp về nước từ Dương Bạch Mai, Trần Văn Giàu, Nguyễn Văn Tạo, Tạ Thu Thâu, vv... Họ thuộc đám công tử con nhà khá giả như Võ Nguyên Giáp vậy. Họ học trường bảo hộ Pháp tại Việt Nam, sau đó có tiền đi du học sang Pháp. Khi về nước, họ viết báo tiếng Pháp, đảng đàn diễn thuyết tiếng Pháp trong các cuộc mít tinh mà cử tọa bao gồm cả đám Tây chủ đồn điền, đám nhà giàu VN bản xứ. Mấy đám Tây-Việt đi theo ủng hộ Cơm Sạn vì thời ấy nước PHáp bị khủng hoảng kinh tế, nhà băng Đông Dương đối xử với các thương gia Việt, Tây tại thuộc địa rất nghiệt ngã; anh chủ đồn điền hay thương nhân nào cũng cần tiền để làm ăn từ nhà băng, buôn bán ế ẩm cỡ nào thì nhà băng cũng không thương tình, vẫn giữ lãi suất cao, vẫn phải trả phân lời đúng kỳ hạn. Không làm đúng hợp đồng với nhà băng Đông Dương thì bị xiết nhà cửa, ruộng đất, đồn điền. Do đó, các cuộc diễn thuyết đọc đít cua, đít cày của đám Việt Kiều Cơm Sạn như Nguyễn Văn Tạo chửi chính quyền thuộc địa đều được phe nhà giàu hưởng ứng nhiệt liệt và góp phần vào thắng lợi bầu cử của họ sau này.

Allrights reseved by Rosea

HD240406027

<http://danghoanghai.999.org>

Trong khi đó, đảng viên Việt Nam Quang Phục Hội của Phan Bội Châu là những phần tử sống ngoài vòng pháp luật dưới con mắt của chính quyền bảo hộ Pháp và Nam Triều giống như đám Al Quaeda bây giờ vậy. Ví dụ điển hình là vụ cảnh sát Pháp vây bắt tay đảng viên Quang Phục Đặng Tử Kính. Tay này đấu súng lục với cảnh sát tới lúc hết đạn, bị bắt, và bị tử hình sau đó. Các đảng viên Quang Phục khác bị bắt là cũng lãnh án tử hình với chung thân. Một gương Việt Nam Quang Phục khác là Phạm Hồng Thái tuần tiết tại Sa Điện. Theo Willam Duiker, chính đảng viên Quang Phục Nguyễn Hải Thần là người tổ chức chế tạo chiếc máy ảnh có thuốc nổ cho Phạm Hồng Thái. Khi Thái ném chiếc máy ảnh vào bàn tiệc của Toàn quyền Đông Dương Pháp tại một bàn tiệc, bị vây bắt riết, tay đảng viên Quang Phục Hội Phạm Hồng Thái chỉ có 2 lựa chọn: một là tự tử, hai là để bị tử hình. Và Phạm Hồng Thái đã chọn giải pháp thứ nhất, ông nhảy xuống sông tự tử và đi vào lịch sử. Xác người đảng viên Việt Nam Quang Phục Hội này về sau được người Tàu chôn chung với 72 liệt sĩ Hoàng Hoa Cương của họ. Tương tự như vậy, khi các đảng viên Việt Nam Quang Phục Hội như Trần Cao Vân, Thái Phiên tổ chức cho vua Duy Tân trốn khỏi Huế không thành, họ cũng bị Tây xử tử hình.

Các tay đảng viên Cơm Sạn khi bị Tây bắt thì không đến nỗi bán lăm như là các đảng viên Quang Phục. Tội của đảng viên Quang Phục Hội thường là khủng bố nên bị bắt là một chết - hai chung thân, trong khi tội của đảng viên Cơm Sạn chỉ là tuyên truyền. Cho nên, rất nhiều đảng viên cấp cao của Cơm Sạn thời ấy trong các vai trò ủy viên trung ương, bí thư xứ ủy như Ngô Đức Trì, Nghiêm Thượng Biền, Dương Hạc Đỉnh đã thành thật khai báo, hợp tác với công an Pháp.

Trung với Đảng - Hiếu với Dân - Khó khăn nào cũng vượt qua - Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành - Kẻ thù nào cũng đánh thắng!

Đám đồng chí già và con cháu cựu đồng chí vài ba người phải ăn bám vào cụ PHAN thì quanh năm suốt tháng đã ở trong nhà cụ rồi bác mask ạ, nên coi như là ở diện quần thúc luôn. Nhà cụ Phan thiếu ăn thường xuyên, nếu đám "quần chúng tiến bộ" như Võ Nguyên Giáp mà lúc nào cũng lai vãng chỗ cụ ở, người ra kẻ vào tấp nập thế thì cũng phải tiếp tế được cho gia đình cụ chứ đâu để họ bị thiếu ăn như thế. Thế mấy quần chúng tiến bộ lai vãng nhà phản động Phan Bội Châu thế mà công an khu vực, nhà trường, đoàn thể, phường khóm của tụi Tây chúng nó không ghi vào sổ đen làm phiền gì cả à?

Thời buổi gạo châu củi quế này, cứ vớt cho thẳng bồi bút ngoài Hà Nội một hai triệu, thêm một châu nhận nữa thì tay ấy nó lại tán tiền sử của các cụ nhớn như khướu thôi í mà. Thế cho nên mới có "truyền thuyết" là hết cụ Phan Đăng Lưu, rồi lại tới cụ Võ Nguyên Giáp lâu lâu lại ghé rủ cụ Phan Bội Châu đi chơi game "Võ Lâm Truyền Kỳ".

Họ MỘ hơi lê thê về quá trình CM của cụ Phan như thế để chỉ ra cái sự láo toét của tư liệu "lịch sử" mà bác ptlinh đưa lên đây về DT VNG. Một phần tử tầm cỡ Osama Bin Laden gốc Việt Nam như Phan Bội Châu khi bị bắt là Pháp đã lên án rồi. Nhưng mà dân Việt Nam thời ấy hàng triệu người đã biểu tình, tuần hành đòi tha cho cụ. Đến mức mà quan Toàn quyền mới của Pháp đi tuần du ra Hà nội lần đầu là các bà, các cô buồn thúng bán bưng dàn chào biểu tình suốt dọc đường quan đi đòi thả cụ. Một phần tử như thế thì sức mấy mà Tây nó để cho khách khứa lai vãng. Một phần tử như thế thì tay hoạt động chống Tây nào cũng không dám gần vì sợ lộ tung tích. Tất nhiên có thể có những kẻ lai vãng, giả vờ thăm hỏi cụ Phan: Đó là những tên cò mồi cho mật thám Tây. Em không tin cụ Giáp xuất thân làm cò mồi cho mật thám. Nên em cũng không tin chuyện bịa đặt là cụ Giáp hồi bé có sang nhà cụ Phan chơi. Chuyện cụ Phan Bội Châu sang nhà cụ Nguyễn Sinh Sắc chơi, có Nguyễn Tất Thành hầu trà đã được Sơn Tùng viết lại trong "Búp Sen Xanh" - chả biết là hư cấu hay là thực nữa. Tuy nhiên, nó đã tạo thành một truyền thuyết là Nguyễn Tất Thành có "dính" đến Phan Bội Châu. Cụ Giáp nhà ta từ 1945 tới 2005 cũng là 60 năm ròng, viết bao nhiêu hồi ký, trả lời không biết bao nhiêu phỏng vấn, chuyện vợ đầu của cụ Giáp là Nguyễn Thị Quang Thái bị Tây giết thế nào, chuyện đời tư cụ Giáp thế nào, bao nhiêu là

^=^ Đặng Hoàng Hải ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

sách vở cũng viết nát ra cả rồi mà đâu có ai nhắc tới cụ Phan. Thế rồi bất chợt, có tay bồi bút "phát hiện" ra là ấy cụ Giáp ngày bé cũng đã từng...đồng đưa với cụ Phan.
. Bác khôi lại giọng nhập nhằng của quan lại triều đình rồi (mà có nhập nhằng thì quan mới béo thể chứ!). Tất cả những người trên có 3 người là Tổng bí thư (Trần Phú, Nguyễn Văn Cừ, Lê Hồng Phong) 2 người kia là xứ ủy viên. Tuy nhiên, tất cả họ mới đầu đều bị lên án tù chứ không bị xử tử hình như các đảng viên Quang Phục Hội bác khôi ạ. Trần Phú về sau chết ở trong tù. Những người còn lại đang đi tù thì nhân vụ Nam Kỳ khởi nghĩa năm 1940, Pháp lấy cớ là họ có dây mơ rễ má với cuộc bạo loạn này nên mới đem ra xử bắn luôn thể. Đây chỉ là chính sách nhất thời của Pháp với một sự việc trong hoàn cảnh nhất định. Trong khi đó, các tay Cơm Sạn nổi tiếng khác như Ngô Gia Tự, Trịnh Đình Cửu, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Trần Văn Giàu, Nguyễn Văn Kinh, thì chỉ bị tù thôi chứ đâu có bị xử bắn như các đảng viên Việt Nam Quang Phục Hội. Ngay cả cụ Tôn Đức Thắng và Phạm Văn Đồng có dính líu tới vụ giết người tranh gái tại đường Barbier tại Sài Gòn vào năm 1930 cũng chỉ bị tù thôi chứ không bị án tử. Nói như thế không phải để hạ thấp vai trò của các đảng viên Cơm Sạn thời í. Cớ mà chỉ muốn nêu ra là tụi Pháp coi đám đảng viên Việt Nam Quang Phục là hết thuốc chữa rồi nên khi đối xử có hơi thẳng tay hơn đám Cơm Sạn. Tàn dư của Việt Nam Quang Phục Hội về sau này còn phải kể đến nhóm Phục quốc quân của Trần Trung Lập tử chiến với Pháp tại Lạng Sơn năm 1940 (khởi nghĩa Ba Tơ ăn theo cuộc đụng độ này), một số phần tử VN Quang Phục Hội hợp tác với nhóm Tôn Quang Phiệt, Đào Duy Anh lập ra đảng Tân Việt mà cụ Giáp và cụ Đặng Thai Mai (bạn học và sau này là bố vợ cụ Giáp) tập tễnh gia nhập sau này. Khung tổ chức và nền tảng lý thuyết của Việt Nam Quốc Dân đảng của Nguyễn Thái Học sau này cũng là từ Việt Nam Quang Phục Hội; chính ra cụ Phan Bội Châu chính là người đổi tên VNQPH sang Việt Nam Quốc Dân Đảng. Việt Nam Thanh Niên Cách Mệnh Đồng Chí Hội của Nguyễn Ái Quốc lập sau này cũng có sự tham dự của các đảng viên VN Quang Phục Hội như Nguyễn Hải Thần, Lê Hồng Sơn,... Nói thế để chúng ta nhận thức được sự nguy hiểm tầm cỡ Osama bin Laden của cụ Phan Bội Châu với chính quyền Pháp. Nếu bây giờ Osama bị Mẽo bắt được giam lỏng thì có bác Tàu, bác Cuba, hay bác Việt Nam chống Mẽo nào dám lai vãng tới trò chuyện với cụ Osama vềchuyện nằm mừng chống Muối (nằm vùng chống Mỹ) không? Thế mà có kẻ lại láo toét tán ra là tướng Võ Nguyên Giáp thời trẻ có đàn đúm với người tù Phan Bội Châu.

. Nope! Chuyện gao châu củi quế là chuyện của bác muốn nghĩ muốn nói thế nào cũng được. Còn về chuyện lịch sử thì những ông như ông Giáp để ko bị ghi vào sổ đen sẵn rồi hay sao? Bác tưởng mật thám Pháp chỉ biết ăn cơm thôi à? Chính vì bị áp lực biểu tình cho nên Pháp ko dám xử tử của Phan, cũng vì ko dám xử tử cho nên đương nhiên ko dám công khai ngăn cấm mọi người vào ra thăm cụ. Mà những chí sĩ như là cụ Giáp thì lúc đó vẫn còn đang hoạt động công khai - thăm hay là ko thăm thì Pháp nó cũng biết tổng ra rồi. Nó ko bắt chằng qua vì ko có chứng cứ ngay lập tức, hoặc là nó còn để đó theo dõi thêm mà thôi. Vì thế tôi ko thấy chuyện ông Giáp có lại thăm cụ Phan thì có gì là vô lý ở đây cả.

Mặt khác nhà cụ Phan nghèo thì có nghèo thật, nhưng lại nhà cụ một hai bữa chẳng nhẽ ko được hay sao? Tôi có đọc trên vnthuquan chuyện "Rượu lạt" ko biết bác đã đọc chưa? Cỡ những người thường thường bậc trung còn có thể thết bạn thế, nữa là cỡ trọng nghĩa khinh tài như các cụ Phan, ông Giáp? Nói như bác MDB đây thì ra phải giàu mới có thể thăm hỏi nhau, còn nghèo thì đóng cửa mà ngồi một mình ư?

Vậy thôi. Bác muốn phê thẳng bồi bút nào thì ấy là cái chuyện của bác. Tôi đọc mà thấy có lý thì tôi ngồi im tán thưởng. Nhược bằng những câu chuyện suy luận ko logic thì tôi phải lên tiếng để tránh trước cho nhà bác cái tiếng bồi bút thế thôi.

P.S. Tôi chỉ đọc thôi, ko khẳng định chuyện ông Giáp thăm cụ Phan là thật hay ko thật. Nhưng bằng vào 2, 3 lời tán của bác Mộ mà dám khẳng định ko phải thì quá sức liều lĩnh. Chuyện cụ Giáp chưa bao giờ đề cập thì là chuyện khác - có thể kể như là một nghi vấn vậy. Nhân cụ Giáp còn sống sờ sờ ra đó - bác Mộ muốn kiểm tra qua cụ Giáp e ko phải là ko làm được.

Allrights reserved by Rosea

HD240406027

<http://danghoanghai.999.org>

^=^ Đặng Hoàng Hải ^=^

hoanghai.dang@gmail.com – hoanghai85lc@yahoo.com

Nói thế này thì khó ko phải. Vốn Cuba ko liên quan gì mới Osama cả, mà VN, TQ mà mang vào làm ví dụ thì càng ngớ ngẩn. Nhưng nếu Mỹ bắt được Osama rồi đem giam hẳn trong tù đi, mà ko phải biệt giam thì dám là Iran vẫn qua thăm Osama lắm đó! Hoặc giả giờ Mỹ nổi điên đánh Bắc Hàn rồi "giam lỏng" thì Phi đen có qua thăm cũng ko lạ lắm đâu.

P.S. À có những kẻ vẫn thường cho rằng CS là những người ưa bạo động, vẫn hay khen các tấm gương đầu tranh bắt bạo động mà họ cho rằng chẳng chóng thì chầy cũng sẽ đạt được thống nhất đất nước như là Mã Phi chỉ đó - mà thông thường thì họ hay dơ cụ Phan ra như tấm gương. Giờ thông qua bác MDB mới được biết hoá ra chúng là đám "bôi bút", "láo toét" ở hải ngoại vậy.

Cậu Mờ-Đê-Bê ạ!

Tôi đọc bài của cậu mà ngẫm tưởng có lẽ cậu chính là Gmail rồi. 😊 Vì chỉ có Gmail mới có cái giọng ra vẻ mình hiểu biết nhưng lại toàn nói những điều sáo rỗng như thế. Tôi xin lỗi admin, mod và tất cả các bạn vì tôi không có đóng góp gì cho topic này mà lại post bài như thế. Đơn giản vì tôi không muốn những người như MDB cố tình phá hỏng một topic hay thế này. Tất nhiên một sự kiện lịch sử phải qua nhiều góc nhìn khác nhau thì mới khách quan, tuy nhiên phán theo kiểu MDB (hay Gmail) : "đảng viên VNQPH toàn bị đàn áp, trong khi đảng viên CS thì toàn ngồi mát ăn bát vàng" như thế thì tôi xin "vái" các cụ một cái dài! Tôi có đọc một topic trong Những Người Thích Đùa thế này: "Đạo này tở già rồi, chỉ ngồi viết lại lịch sử với hồi ký, rồi uống rượu làm thơ lúc xuân sang. Nhưng vào box LSVH thấy mấy thằng cha ếch ngồi đáy giếng phán linh tinh về lịch sử nên tở đã khoá box đó lại. Nhưng giả cả lũ lẫn quá thành ra không biết đã để chìa khoá ở đâu". Đùa thì đùa thôi, nhưng có lắm lúc cũng đúng thật!

Đây là chủ đề về Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nếu có cãi nhau về Việt Nam Quang Phục Hội thì nên mở 1 topic khác để cho đỡ loãng.

Về Đại tướng, tôi rất cảm phục con người ông sau khi chiến tranh kết thúc. Là một công thần bậc nhất mà lại bị thất sủng, ông có thừa đủ lực lượng "vây cánh" để làm một cuộc "cách mạng nhưng" đưa mình lên. Nhưng ông đã vì sự đoàn kết dân tộc, đoàn kết trong Đảng mà đã không làm thế. Ông đã quên đi cái lợi của bản thân, sẵn sàng mang cái tiếng "tướng Võ mất giá" để nghĩ tới tương lai dân tộc. Những sự đóng góp không nhỏ cho sự phát triển đường lối đất nước gần đây của ông cũng chứng tỏ điều đó.

Vo Nguyen Giap was born in Quang-binh Province, [Vietnam](#), in 1912. He was educated at the University of Hanoi where he gained a doctorate in economics. After leaving university he taught history in Hanoi. He later joined the Communist Party and took part in several demonstrations against French rule in Vietnam.

Vo Nguyen Giap was arrested in 1939 but escaped to [China](#) where he joined up with [Ho Chi Minh](#), the leader of the [Vietnam Revolutionary League](#) (Vietminh). While in exile his sister was captured and executed. His wife was also sent to prison where she died.

Between 1942 to 1945 Vo Nguyen Giap helped organize resistance to the occupying [Japanese Army](#). When the Japanese surrendered to the Allies after the dropping of atom bombs on [Hiroshima](#) and [Nagasaki](#) in August, 1945, the [Vietminh](#) was in a good position to take over the control of the country and Vo Nguyen Giap served under [Ho Chi Minh](#) in the provisional government.

In September, 1945, [Ho Chi Minh](#) announced the formation of the Democratic Republic of Vietnam. Unknown to the Vietminh [Franklin D. Roosevelt](#), [Winston](#)

[Churchill](#) and [Joseph Stalin](#) had already decided what would happen to post-war Vietnam at a summit-meeting at [Potsdam](#). They had agreed that the country would be divided into two, the northern half under the control of the Chinese and the southern half under the British.

After the [Second World War](#) France attempted to re-establish control over [Vietnam](#). In January 1946, Britain agreed to remove her troops and later that year, [China](#) left Vietnam in exchange for a promise from [France](#) that she would give up her rights to territory in China.

France refused to recognise the Democratic Republic of Vietnam and fighting soon broke out between the Vietminh and the French troops. At first, the Vietminh under General Vo Nguyen Giap, had great difficulty in coping with the better trained and equipped French forces. The situation improved in 1949 after [Mao Zedong](#) and his communist army defeated [Chaing Kai-Shek](#) in China. The Vietminh now had a safe-base where they could take their wounded and train new soldiers.

By 1953, the [Vietminh](#) controlled large areas of North Vietnam. The French, however, had a firm hold on the south. When it became clear that France was becoming involved in a long-drawn out war, the French government tried to negotiate a deal with the Vietminh. They offered to help set-up a national government and promised they would eventually grant Vietnam its independence. [Ho Chi Minh](#) and the other leaders of the Vietminh did not trust the word of the French and continued the war.

French public opinion continued to move against the war. There were four main reasons for this: (1) Between 1946 and 1952 90,000 French troops had been killed, wounded or captured; (2) France was attempting to build up her economy after the devastation of the [Second World War](#). The cost of the war had so far been twice what they had received from the [United States](#) under the [Marshall Plan](#); (3) The war had lasted seven years and there was still no sign of an outright French victory; (4) A growing number of people in France had reached the conclusion that their country did not have any moral justification for being in Vietnam.

General Navarre, the French commander in Vietnam, realised that time was running out and that he needed to obtain a quick victory over the Vietminh. He was convinced that if he could manoeuvre Vo Nguyen Giap into engaging in a large scale battle, France was bound to win. In December, 1953, General Navarre setup a defensive complex at [Dien Bien Phu](#), which would block the route of the Vietminh forces trying to return to camps in neighbouring Laos. Navarre surmised that in an attempt to reestablish the route to Laos, General Giap would be forced to organise a mass-attack on the French forces at Dien Bien Phu.

Navarre's plan worked and General Giap took up the French challenge. However, instead of making a massive frontal assault, Giap choose to surround Dien Bien Phu and ordered his men to dig a trench that encircled the French troops. From the outer trench, other trenches and tunnels were dug inwards towards the centre. The [Vietminh](#) were now able to move in close on the French troops defending Dien Bien Phu.

While these preparations were going on, Giap brought up members of the Vietminh from all over Vietnam. By the time the battle was ready to start, Giap had 70,000 soldiers surrounding Dien Bien Phu, five times the number of French troops enclosed within.

Employing recently obtained anti-aircraft guns and howitzers from [China](#), Giap was able to restrict severely the ability of the French to supply their forces in Dien Bien Phu. When Navarre realised that he was trapped, he appealed for help. The United States was approached and some advisers suggested the use of tactical [nuclear weapons](#) against the Vietminh. Another suggestion was that conventional air-raids would be enough to scatter Giap's troops.

The United States President, [Dwight Eisenhower](#), however, refused to intervene unless he could persuade Britain and his other western allies to participate. [Winston Churchill](#), the British Prime Minister, declined claiming that he wanted to wait for the outcome of the peace negotiations taking place in Geneva before becoming involved in escalating the war.

On March 13, 1954, [Vo Nguyen Giap](#) launched his offensive. For fifty-six days the Vietminh pushed the French forces back until they only occupied a small area of Dien Bien Phu. Colonel Piroth, the artillery commander, blamed himself for the tactics that had been employed and after telling his fellow officers that he had been "completely dishonoured" committed suicide by pulling the safety pin out of a grenade.

The French surrendered on May 7th. French casualties totalled over 7,000 and a further 11,000 soldiers were taken prisoner. The following day the French government announced that it intended to withdraw from Vietnam.

Vo Nguyen Giap remained commander-in-chief of the [Vietminh](#) throughout the Vietnam War. Peace talks between representatives from United States, South Vietnam, North Vietnam and the NLF had been taking place in Paris since January, 1969. By 1972, [Richard Nixon](#), like [Lyndon B. Johnson](#) before him, had been gradually convinced that a victory in Vietnam was unobtainable.

In October, 1972, the negotiators came close to agreeing to a formula to end the war. The plan was that US troops would withdraw from Vietnam in exchange for a cease-fire and the return of 566 American prisoners held in Hanoi. It was also

agreed that the governments in North and South Vietnam would remain in power until new elections could be arranged to unite the whole country.

The main problem with this formula was that whereas the US troops would leave the country, the North Vietnamese troops could remain in their positions in the south. In an effort to put pressure on North Vietnam to withdraw its troops. President [Richard Nixon](#) ordered a new series of air-raids on Hanoi and Haiphong. It was the most intense bombing attack in world history. In eleven days, 100,000 bombs were dropped on the two cities. The destructive power was equivalent to five times that of the atom bomb used on [Hiroshima](#). This bombing campaign was condemned throughout the world. Newspaper headlines included: "Genocide", "Stone-Age Barbarism" and "Savage and Senseless".

The North Vietnamese refused to change the terms of the agreement and so in January, 1973, Nixon agreed to sign the peace plan that had been proposed in October. However, the bombing had proved to be popular with many of the American public as they had the impression that North Vietnam had been "bombed into submission."

The last US combat troops left in March, 1973. It was an uneasy peace and by 1974, serious fighting had broken out between the NLF and the AVRN. Although the US continued to supply the South Vietnamese government with military equipment, their army had great difficulty using it effectively.

President [Nguyen Van Thieu](#) of South Vietnam appealed to President [Richard Nixon](#) for more financial aid. Nixon was sympathetic but the United States Congress was not and the move was blocked. At its peak US aid to South Vietnam had reached 30 billion dollars a year. By 1974 it had fallen to 1 billion. Starved of funds, Thieu had difficulty paying the wages of his large army and desertion became a major problem.

The spring of 1975 saw a series of [National Liberation Front](#) victories. After important areas such as Danang and Hue were lost in March, panic swept through the AVRN. Senior officers, fearing what would happen after the establishment of an NLF government, abandoned their men and went into hiding.

The NLF arrived in Saigon on April 30, 1975. Soon afterwards the Socialist Republic of Vietnam was established. In the new government Vo Nguyen Giap was minister of defence and deputy premier.

Vo Nguyen Giap

From Wikipedia, the free encyclopedia.

General Vo Nguyen Giap ([Vietnamese](#): Võ Nguyên Giáp - Võ is his family name) (born [1912](#)) is a [Vietnamese](#) four-star general, who was the military leader of the [Viet Minh guerrilla](#) group under [Hồ Chí Minh](#)'s political leadership, and of the [Peoples' Army of Vietnam](#) (PAVN) in the [Democratic Republic of Vietnam](#).

[\[edit\]](#)

Biography

Giap was born in the village of An Xa, [Quang Binh province](#). His father worked the land, rented out land to neighbors, and was not poor. At 14, Giap became a messenger for the Haiphong Power Company and shortly thereafter joined the Tan Viet Cach Mang Dang, a romantically-styled revolutionary youth group. Two years later he entered Quoc Hoc, a French-run lycee in Hue, from which two years later, according to his account, he was expelled for continued Tan Viet movement activities. In 1933, at the age of twenty-one, Giap enrolled in Hanoi University. He studied for three years and was awarded a degree falling between a bachelor and master of arts. Had he completed a fourth year he automatically would have been named a district governor upon graduation, but he failed his fourth year entrance examination.

While at [Hanoi](#) University, Giap met one Dang Xuan Khu, later known as Truong Chinh, destined to become Vietnamese communism's chief ideologue, who converted him to communism. During this same period Vo came to know another young Vietnamese who would be touched by destiny, [Ngo Dinh Diem](#).

While studying law at the [University](#), Giap supported himself by teaching history at the Thang Long High School, operated by Huynh Thuc Khang, another major figure in Vietnamese affairs. Former students say Vo loved to diagram on the blackboard the many military campaigns of Napoleon, and that he portrayed [Napoleon](#) in highly revolutionary terms.

In [1939](#), he published his first book, co-authored with [Truong Chinh](#) titled "The Peasant Question", which argued not very originally that a [communist](#) revolution could be [peasant](#)-based as well as [proletarian](#)-based.

In September 1939, with the French crackdown on communism, Giap fled to [China](#) where he met [Hồ Chí Minh](#) for the first time; he was with Hồ at the Chingsi (China) Conference in May 1941, when the [Viet Minh](#) was formed to take back Vietnam from the French. At the end of 1941 Vo found himself back in Vietnam, in the mountains, with orders to begin organizational and intelligence work among the Montagnards. Working with a local bandit named Chu Van Tan, Giap spent [World War II](#) running a network of agents throughout northern Vietnam.

Between 1942 to 1945 Giap helped organize resistance to the occupying Japanese Army with the assistance of the American [Office of Strategic Services](#) (OSS - later known as the [CIA](#)). After the Japanese occupiers interned the Vichy French collaborators, suspecting them of preparing to change sides, the Americans had little choice but to collaborate with the Viet Minh. When the Japanese surrendered to the Allies in August, 1945, the Vietminh was in a good position to take over the control of the country and Giap served under [Hồ Chí Minh](#) in the provisional government.

In September, 1945, [Hồ Chí Minh](#) announced the formation of the Democratic Republic of Vietnam. Hồ had been confident of the support of his wartime allies, the Americans, but any residual loyalty felt by the US was quickly lost in their Cold War desire to conciliate the French, and the colony was returned to them. France refused to recognise the Democratic Republic of Vietnam and fighting soon broke out between the Vietminh and the French troops. At first, the Vietminh under General Vo Nguyen Giap had great difficulty in coping with the better trained and equipped French forces. The situation improved in 1949 after [Mao Zedong](#) and his communist army defeated [Chiang Kai-Shek](#) in China. The Vietminh now had a safe-base where they could take their wounded and train new soldiers.

General Navarre, the [French](#) commander in Vietnam, realised that time was running out and that he needed to obtain a quick victory over the Vietminh. He was convinced that if he could maneuver Vo Nguyen Giap into engaging in a large scale battle, France was bound to win. In December, 1953, General Navarre set up a defensive complex at [Dien Bien Phu](#), which would block the route of the Vietminh forces trying to return to camps in neighbouring Laos. Navarre surmised that in an attempt to reestablish the route to Laos, General Giap would be forced to organise a mass-attack on the French forces at [Dien Bien Phu](#).

Vo proved his brilliance as a logistician when he had his troops disassemble artillery pieces and antiair weapons, mostly supplied by China and the Soviet Union, and packed them over the mountains onto the high ground overlooking the French garrison. Thousands of men with no more than bicycles for transportation delivered the tons of supplies and munitions necessary for a long siege.

Giap concentrated seven thousand to eight thousand soldiers, along with two hundred heavy guns, against the French garrison, which totaled fifteen thousand men. Since weather and Vietminh gunners prevented all but a few deliveries of resupplies, the French retreated to the interior posts, while the Vietminh advanced through tunnels and trenches and under support of superior artillery. On May 7, 1954, the French surrendered. Of the original force, five thousand were dead. Of the ten thousand who surrendered, half were wounded. Estimates of communist casualties exceeded twenty-five thousand, but Vo had won his Phase III battle. In leaving Indochina, the French negotiated a partition that separated the Communist North from the American-dominated South.

In 1959 Vo and the North Vietnamese began supporting communist guerrillas in the south known as [Vietcong](#). Vo continued his three phases of warfare, remaining reasonable successful with I and II in fighting the superior arms and numbers of the South Vietnamese and their American allies. As long as he remained patient, Vo fared well. In 1965, however, he challenged the first American combat divisions with North Vietnamese divisions across the border into neighboring sanctuaries.

Vo attempted to recreate his successes on the Americans with the [Tet Offensive](#) during the lunar New Year celebrations in 1968 when North Vietnamese forces temporarily captured most provincial southern capitals. International news headlines were made as the ground floor of the U.S. Embassy in Saigon was attacked and put into contention, and the [Dien Bien Phu](#)-like siege of [Khe Sanh](#) ensued. But in less than six weeks the Americans and the South Vietnamese virtually annihilated the Vietcong and seriously depleted the North Vietnamese forces.

One controversial theory raised by historians is that the [Tet Offensive](#) was aimed at trying to damage American morale and send shock waves to the home front. If this was true, then Giap succeeded as the images shown across America heightened the American public's reluctance to continue participation in the conflict. Before the Tet Offensive occurred, the public were told by the administration that they were ultimately winning against the Vietnamese, yet when the Offensive happened, it showed that America was going to be trapped in a long fight.

The eventual success of Giap and North Vietnam depended on outlasting American commitment to the war, and waiting until the United States withdrew most of its troops. In 1972 Giap started the [Eastertide Offensive](#). South Vietnamese troops, supported by American air power, once again stopped the communist offensive. The losses were so great that the communists removed Giap from command and returned him to Hanoi as minister of defense. The North Vietnamese forces finally defeated South Vietnam and reunited the country into the Socialist Republic of Vietnam in 1975. Giap was made minister of defence and deputy premier in the new government.

Giap, who never trained as a military leader other than reading some articles in an old [encyclopedia](#), nonetheless proved himself as a master at accomplishing victory against tremendous odds. His tactics were simple, and he allowed his subordinate commanders much latitude. In the end, his willingness to fight as long as necessary and sustain as many casualties as required gained him victory and unification of his country. He is cited in [Vietnam](#) as a "national treasure," and regarded internationally as a unique expert on guerrilla warfare.

His metaphoric appellation is Nui Lua, roughly "volcano beneath the snow" meaning a cold exterior but boiling within, an apt description of his personality according to those who know him. Associates also have described him as forceful, arrogant, impatient and dogmatic.

Vo has been a prolific writer whose titles include "Big Victory, Great Task", "Dien Bien Phu" and "Once Again We Will Win."

[\[edit\]](#)

External links

- [CNN](#)
[Interview](http://www.cnn.com/SPECIALS/cold.war/episodes/11/interviews/giap/) (<http://www.cnn.com/SPECIALS/cold.war/episodes/11/interviews/giap/>)
- [General Vo Biography](http://carpenoctem.tv/military/giap.html) (<http://carpenoctem.tv/military/giap.html>)

Nobody Gets Off the Bus: **The Viet Nam Generation Big Book**

Volume 5 Number 1-4
March 1994

Texts made available by the [Sixties Project](#), are generally copyrighted by the Author or by Viet Nam Generation, Inc., all rights reserved. These texts may be used, printed, and archived in accordance with the Fair Use provisions of U.S. Copyright law. These texts may not be archived, printed, or redistributed in any form for a fee, without the consent of the copyright holder. This notice must accompany any redistribution of the text. A few of the texts we publish are in the public domain. For information on a specific text, contact [Kali Tal](#). The Sixties Project, sponsored by Viet Nam Generation Inc. and the [Institute of Advanced Technology in the Humanities](#) at the University of Virginia at Charlottesville, is dedicated to using electronic resources to provide routes of collaboration and make available primary and secondary sources for researchers, students, teachers, writers and librarians interested in the 1960s.

An Officer and a Gentleman:

**General Vo Nguyen Giap as
Military Man and Poet**

Cecil B. Currey

Outstanding generals in the western world have been known more for their victories and personalities than for their erudition or interest in aesthetics. This is not a criticism but simply a matter of recognizing their orientation. Despite the fame of fighting war poets such as Siegfried Sassoon (1886-1967), Thomas Hardy (1840-1920), Wilfred Owen (1893-1918), Randall Jarrell (1914-1965) and others--none of whom ever sought or desired flag rank--battlefield realities seldom heighten poetic sensitivities.

We know the reputations of famous generals and recall snapshot images of them. We can recall pictures of Erwin Rommel's begoggled and dust-caked face as he stared from the open hatch of a desert tank. We can visualize Douglas MacArthur striding unarmed along trench parapets facing out into No Man's Land during the Great War, wearing about his neck a long hand-knit muffler and brandishing a swagger stick in his fist.

If we are not personally old enough to remember those desperate wartime days, we can still see George C. Scott in the movie role of Georgie Patton, slapping a hospital patient who suffered from combat fatigue, called today Post Traumatic Stress Disorder. Pictures abound of Dwight Eisenhower's broad smile and friendly way as he endeavored to orchestrate joint allied efforts in the European Theater and to smooth over jealousies and ruffled feelings.

Those who know a little about British leaders of World War II have read accounts detailing how Field Marshal Viscount Bernard Law Montgomery stockpiled men and matériel before launching a military campaign until he was ready to advance toward enemy lines--in the words of General Patton--"like a fighting white rabbit." Americans rejoiced as they learned of the exploits of Georgy Konstantinovich Zhukov, the great Russian general, as he led the eastern drive toward Berlin and the final destruction of Hitlerism. U.S. citizens were impressed by the taciturn solemnity and ineffable dignity of the American wartime chief of staff, George Catlett Marshall.

Many readers will recall later years in which television news reports showed the snowy crown and carefully pressed and tailored uniforms of William Childs Westmoreland as he led U.S. military efforts to pacify enemy fighters operating within the Republic of Viet Nam. During the Recent Desert Storm, television repeatedly brought us images of the poise and gracious, easy professionalism of General Colin Powell and the brusque mannerisms of General H. Norman Schwarzkopf, Jr.

A list such as this of famous recent military leaders could easily be lengthened. The results would not change if their numbers were increased or if we selected western generals from any other earlier time period. They reflected what was expected of them by their peers, their leaders, their society.

Authors have provided us with much information about these fighters and, sometimes, they have written accounts of their own. We know their rise through officer ranks until they received the coveted stars of a general. We know their campaigns and their casualty figures, their exploits their achievements, and their victories. Inevitably, however,

western generals were (and are) men of practical bent--individuals who mastered the art of moving masses of men, varied military units, and mountains of supplies at the proper time and into the appropriate place on a battlefield in such a way as to overpower enemy forces. They have become eminently successful practitioners of the art of war. Further, they have often possessed a sometimes canny awareness of political realities, enabling them to protect and advance their own careers and their rise to flag rank. Their success in this has sometimes even allowed them to move from the realm of military matters into national politics.

Anyone reading historical accounts of the careers of these men inevitably comes to the conclusion that, while they were great military captains, they were also primarily individuals with a limited grasp of ideas apart from the application of tactics. Their own writing--whether autobiographical or analytical--bear out this view. We certainly do not think of them as scholars, or as cultured members of their own society, nor has anyone suggested that they ought to be so. We have been content to allow most generals to remain military craftsmen. We have sought nothing more from them than that they be capable of achieving battlefield victories.

Even a moment's reflection makes clear that few of our great military captains have been well-rounded men with broad knowledge, skilled in any area other than that which has enabled them "to cry havoc" and allow them to "let slip the dogs of war." There have been some few exceptions. Dwight Eisenhower, in later life, found contentment as a gentleman farmer at Gettysburg and derived pleasure from producing amateur oil paintings. George Catlett Marshall made an successful transition from high military command to cabinet level direction of America's foreign and defense policies within a profession not noted for its literary achievements. His greatest writing, and it will long live in memory, was his 1947 proposal that became known as the Marshall Plan.

Rommel's 1937 publication of *infanterie Greift An* (The Infantry Attacks) pretended to be no more than it was--a military textbook on tactics. Patton died in 1945; the posthumous 1947 publication of his *War As I Knew It* was a disappointing, uneven book that, while it bespoke the general's wide reading, failed to provide any evidence of a cultured man. Eisenhower's *Crusade in Europe* was dull and pedantic. British Field Marshall Montgomery's two best-known works, *Memoirs* (1958) and *The Path to Leadership* (1961) frantically extolled his own virtues and gave little hint that he eschewed not only military innovation but imagination. Published in English in 1971 as *The Memoirs of Marshall Zhukov*, the Russian general's work is singularly devoid of any material other than what is necessary to describe his role in military history. Westmoreland's *A Soldier Reports* left much unexplained and nowhere tended toward artistic merit. Nor has any resounding note of literary merit flowed from the pen of the Chairman of the Joint Chiefs of Staff and Schwartzkopf's recent autobiography, *It Doesn't Take a Hero*, despite the efforts of his writer, Peter Petre, fails to achieve more than an exciting, action-packed story, which is, after all, what was intended.

Only MacArthur, as well-educated as any, had a penchant for pithy phrases, some of which will long be remembered, as when he spoke of the "mournful mutter of musketry" or called the minds of academy cadets to "duty, honor, country," and revealed that "old soldiers never die." The *Reminiscences* of this imperious and pretentious man, published in 1964, are a pleasure to read.

Asian military captains have had an alternate role to play within their societies. They are expected to be more than battlefield victors, in part, perhaps, to offset the blood they had shed, for soldiery has never ranked very high among the professions of the East. We have read of Chinese warriors who were artists, and who, with brush and ink, could produce simple ideograms of startling beauty. We know of Japanese generals who were adepts in the traditional tea ceremony of their land or who left memorable inscriptions in the three lines and seventeen syllables of *haiku*, or who quietly cultivated the stone and sand gardens within the walls of their home. On the field of battle they might be filled with blood-lust; in the quiet of their homes they sought harmony with nature.

For the last several years I have been studying the career of Senior General [D'ai T'o'ng] Vo Nguyen Giap. It is he of whom I will speak here. I have met and talked with Giap, interviewed his compatriots and buried myself in the requisite sources. I have recently completed a manuscript biography of him, and thus know him and his background fairly well. He is not a nice man, but then neither were other warriors from Attila the Hun and Timur the Lame to Napoleon, Zhukov, Patton and MacArthur. Nice men do not become legendary generals; they teach Sunday school classes or become professors of history or military chaplains.

Giap is best known for his fanatical obsession with freeing his homeland from western domination and uniting it under the communist rule of Ha Noi; for staggering battlefield losses he was willing to absorb in furtherance of those ends; and for his skill as a logistician as he moved men and supplies across impossible terrain in sufficient numbers to accomplish his goals. His icy exterior overlay a temper so fiery the French described him as a "snow-covered volcano" and, sometimes, even Ho Chi Minh had difficulty keeping him within bounds.

There is, however, another and less well known aspect of General Giap. Insofar as westerners are familiar with his prolific writings, we are apt to recall the turgid prose, repetitive, clichéd harangues, slogans, occasional fictions and sweeping generalizations of *People's War, People's Army* (New York: Praeger, 1962), or *Big Victory, Big Task* (New York: Praeger, 1967).

His voluminous speeches, regularly given to captive audiences, were stultifying, with titles so awesome they could have been drafted only by a communist or by a college professor preparing for a presentation at a major history conference. One such address, given in 1971, is much like many others he offered. Giap labeled it: "Let Us Step Up the Task of Reviewing, Studying, and Developing Vietnamese Military Science as a Positive Contribution to Defeating the U.S. Aggressors." It had an introduction and five lengthy

parts and liking the sound of his own voice, he went through each portion with meticulous care so those in the audience would not miss any of his thoughts on the subject. His audience was undoubtedly aghast with appreciation at his thoroughness and we can imagine how their brows must have wrinkled in anticipation as he neared the end of his lengthy tirade.

Many of his publications have similar titles: *The Party's Great Experiences in Leadership Over Armed Struggle and the Building of Revolutionary Armed Forces* (Ha Noi: Su That Publishing House, 1961), "The Brilliant Victories and Great Power of the People's War in the Local Areas" (Ha Noi: *Hoc Tap*, Vietnamese Studies #8, Aug 1969), *Victory of the People's War Against the War of Destruction in the Towns and Industrial Centers of Socialist Viet Nam* (Ha Noi: People's Army Publishing House, 1972), or *Viet Nam People's War Has Defeated the U.S. War of Destruction* (Ha Noi: Foreign Languages Publishing House, 1969).

There is, however, another and less well known aspect of General Giap's public declamations. Although he normally felt it to be his duty to extol the virtues of socialism (one wonders how his mind escaped total paralysis as he spewed forth such nonsense), and call for objectives such as "one hectare per laborer, three hogs per hectare," when the setting was right and he wished to do so, he could speak with beauty and grace, his words suddenly devoid of their usual communist jargon.

He has a real ability as an orator, a writer, a poet, and he has occasionally called upon that talent. In 1980, in a visit to a historical site in Hai Hung province to celebrate the sixth hundredth birthday of Nguyen Trai, one of the comrades of the famous Vietnamese hero, Le Loi, Giap reminisced about his own days as a warrior. He told how he had drawn inspiration from the example of Nguyen Trai.

In his graceful tribute to Nguyen Trai, Giap said that he, like the ancient poet, was "very proud of his beautiful country with its imposing mountains and rivers, its abundance of produce, proud of its old civilization and unique lifestyle, proud of its brilliant and heroic history of resisting foreign aggression." His choice of words was better that day, free from the constraints of mind-numbing cant that usually beset them. Then he rose to even greater heights.

Remembering his life in the back country wilderness of Viet Nam as he and his Viet Minh warriors fought the First Indochinese War against the French, Giap told how "the mountains and rivers [then] appeared fresh and new." He elaborated, in a lyric moment of memory: "The chirp of a bird, the petal of a flower, a gentle breeze, a few drops of rain, a gust of wind in the spring, all of these could stir the soul of a poet." And in that moment, for at least the second time in his life, this *pur et dure* Communist doctrinaire became a poet. In Haiku-like lines, he declaimed:

Talents were like leaves in the autumn,
and heroes appeared like the dawn."

and again:

When a herdsman played his flute,
The moon rose higher in the sky.

"Literature," Giap said that day in closing his tribute to Nguyen Trai, "can and must elevate a man's soul." It was one of his finest hours.

My interest in these matters came about as a result of long years of acquiring war poetry and reading to my students the verse of soldiers of the Great War. Over time I added examples from the American Civil War, World War II and the Viet Nam war. Then while researching the life of Vo Nguyen Giap, I came across a paper in his file at the Indochina Archives (University of California, Berkeley) that provided for me a new dimension to him whom I studied. Inside a slim volume by Việt Ph'o'ng entitled *We Fight Yankees, Therefore We Exist* ([np: np, nd]) appeared a reprint of a poem said to have been found on the body of a dead northern Vietnamese soldier. The man had recopied it from some other source and, because it bespoke emotions within his own heart, kept it with him. The page was charred and bloodstained when found on his body. The soldier's copy indicated it had been composed by Giap.

The poem expresses a man's romantic, emotional statement of longing for an absent loved one, yearning for reunion, while simultaneously declaiming the necessity of fulfilling his warrior's responsibilities of battle and possible death.

Giap might well have written such sentiments. He had experienced romantic tragedy in his own personal life.

In early 1939, Giap married the diminutive Dang Thi Quang Thai, daughter of his good friend and benefactor, Professor Dang Thai Mai. In after years, friends observed that he was never happier in his life, before or after, than during those few months which followed his wedding.

As war broke around them, Giap and Quang Thai kept their heads down and tried to maintain a reasonably normal life. In May 1939, four months before the German war machine exploded across the fields of Poland, Giap and Quang Thai conceived a child. On 4 January, 1940, Quang Thai gave birth to a baby girl. Giap gave his daughter the beautiful name of Hong Anh, or "red queen of flowers."

Those quiet days lasted only a few months. In April, 1940, the communist party's Central Committee decided to send Giap and a comrade to safety in China where they might there plan for the launching of a future guerrilla movement within Viet Nam. Quang Thai was to remain behind.

The newlyweds said their good-byes on the bank of Ha Noi's West Lake one Friday afternoon, 3 May 1940. Giap taught at the private *lycée*, Thang Long [Rising Dragon] in

the city. By leaving on a Friday, he would have the entire weekend to make good his escape from the watchful eyes of the French colonial *Sûreté Nationale de l'Indochine's Deuxieme Bureau*. Only when he failed to show for classes the following Monday morning would anyone begin to raise questions about his absence and even then several more hours would pass before police could be notified and an alarm raised.

Giap held the baby as he and Quang Thai walked beside the lake. He urged his wife to go underground as quickly as possible so no harm would come to her or Hong Anh. Quang Thai cried quiet tears as they slowly walked back from the lake down Co Ngu Road. At last they broke apart and went their separate ways. They would never see one another again.

Like many others before and since, they paid in blood for their devotion to a cause. In May 1941 Quang Thai was arrested by the *2eme Bureau* in her home town of Vinh, chief city of Nghe An province. Only moments before the police arrived, she entrusted Hong Anh, now one-and-a-half years old, to Giap's mother.

The French took Quang Thai back to Ha Noi and jailed her at Hao Lo [literally: the Oven] prison, known years later by American flyers as the "Hanoi Hilton." She was tried before a military court for conspiracy against the security of France and sentenced to life imprisonment. While in Hao Lo she was tortured to the edge of sanity and perhaps beyond. Unable to endure the pain any longer, she allegedly killed herself while in her cell by swallowing her *giai rut*, a kind of soft belt material. U.S. intelligence sources later claimed she died another way: the French hung her by the thumbs and beat her to death.

Giap had no chance to communicate with Quang Thai after his flight from Ha Noi in 1940. Throughout the years of the war he lived in hiding in the far northern reaches of Viet Nam as he developed ways of combating the Japanese and French. It was not until 15 April 1945, when he traveled to Bac Giang for a meeting of the Central Committee that he received word of his wife. He later wrote that he looked forward to the meeting: "I thought I would at last have news from my family from whom I had not heard for all these years. I had written letters but didn't know if they ever arrived and I was thinking it would not be long until I had news."

Terrible news awaited him at Bac Giang. An old comrade, Truong Chinh, casually turned to him during a group conversation and, as an example of the danger in which they all lived, recalled the case of Giap's wife: "Thai was caught because she didn't have time to find someone to care for the baby. She died in prison before we could do anything."

Giap felt his blood chill. He finally asked, "You say Thai is dead?"

"What?" Truong Chinh replied. "You didn't know?"

Giap sat quietly, speechless for long minutes. Then he silently rose and left his fellows, desperate to find a way to accept the idea of the death of his wife. He later wrote that he

looked forward to the meeting: "I thought I would at last have news from my family from whom I had not heard for all these years. I had written letters but didn't know if they ever arrived and I was thinking it would not be long until I had news."

Terrible news awaited him at Bac Giang. An old comrade, Truong Chinh, casually turned to him during a group conversation and, as an example of the danger in which they all lived, recalled the case of Giap's wife: "Thai was caught because she didn't have time to find someone to care for the baby. She died in prison before we could do anything."

Giap felt his blood chill. He finally asked, "You say Thai is dead?"

"What?" Truong Chinh replied. "You didn't know?"

Giap sat quietly, speechless for long minutes. Then he silently rose and left his fellows, desperate to find a way to accept the idea of the death of his wife.

Those were Giap's experiences with personal heartbreak. From them he might well have drafted the lines which are attributed to him in the dead soldier's copybook. He thus becomes, unexpectedly, another example of the Eastern general who knows more than the art of war.

Kiss

The earth bore you here.
To bring beauty.
The earth bore me here
To love you deeply.

In love people kiss.
The sweetness they would not miss.
My heart is passionate for you
Still I must go to battle.

My love, it is possible
That I may die in combat
The lips torn there by bullets
Might never be kissed [again] by yours.

Even if I die, my love,
I love you, though I am unable
To kiss you with the lips
Of a slave.

—Vo Nguyen Giap

My thanks to Ho Thi Xuan Hong (whose name means "Spring Rose"), Nguyen Hai Quoc, and his father, Nguyen Khac Niem, for their translation of Giap's poem.

Gen. Voer the French banned the Communist Party, Giap fled to China where he became a key deputy of Ho Chi Minh and was given command over the Viet Minh guerrilla forces fighting the Japanese from 1940 to 1945. The Communists seized control in 1945 and Giap became one of the top figures in the newly formed government.

During the war against the French, Giap shaped the People's Army of Vietnam (PAVN) into a potent fighting force. His histwell-protected artillery. He achieved French surrender just days before the Ger. *Gen. Vo Nguyen Giap is perhaps the most important figure in the early history of communist Vietnam -- with the exception of Ho Chi Minh. At the end of World War II, Ho named Giap commander in chief of the Viet Minh forces fighting French colonial rule. Giap orchestrated the defeat of the French at the battle of Dien Bien Phu in 1953 and remained minister of defense of the newly independent Democratic Republic of Vietnam. He was the chief North Vietnamese military leader in the subsequent war against U.S. forces. This interview, which was conducted in May 1996, has been translated from Vietnamese.*

On the battle of Dien Bien Phu:

The Dien Bien Phu campaign is a great and first victory of a feudal colonial nation, whose agricultural economy is backward, against the great imperialist capitalist which has a modern industry and a great army. Thus, it means a lot to us, to people all over the world, and to other countries. This is also how Ho Chi Minh saw it.

We see the Dien Bien Phu victory as the victory [over] the French army and [over] the intervention of the Americans --because in the Dien Bien Phu campaign, 80 percent of the war expenditures were spent by the Americans. The Americans had their hands in it. So the Dien Bien Phu defeat was a defeat for both the French and the Americans. But whether the Americans had drawn the lessons from that, I don't think so. That's why the Americans continued in South Vietnam. ...

When we received news of the Dien Bien Phu victory, everyone practically jumped up in the air, they were so happy about it. But Ho Chi Minh said that this is only victory of the first step: we have yet to fight the Americans. It was very clear then.

On the United States' involvement in Vietnam:

In 1945, some Americans parachuted into our war zone [for a] meeting [with] our late President Ho Chi Minh. ... Back then, President Roosevelt's attitude was that the U.S. did not want to see events like the war with France coming back to Indochina, but later this attitude was changed. After the August Revolution in 1945, the relationship between Vietnam and the U.S. could have been good, and we wished that it had been good.

Then only the intelligent people or those with vision and wisdom, such as Eisenhower, ... saw the impracticality of the [domino] theory. And any mistakes were due to following the domino theory. They thought that if the theory was put into practice here, it would become the pivotal location for [preventing] the spread of communism to the whole Southeast Asia. So Vietnam was made the central location to check the expansion of communism, and this was what President Kennedy believed, and it was mistake. ...

The Americans sent advisers to each and every division in the South Vietnamese [army] before 1965. In 1965, they started to commit big forces. We discussed among ourselves in the Politburo whether at that point it was ... a limited war. We decided that it was already a limited war. We discussed it in the Politburo that with America bringing in gigantic forces was to carry out a new campaign, with the American forces committed, it was not good for America but it would be very hard for us to fight. The struggle would be very fierce but we already concluded that we would win the war. ...

On fighting technologically superior U.S. forces:

When American combat forces were committed, it was a myth that we could not fight and win because they were so powerful. ... [We survived] because of our courage and determination, together with wisdom, tactics and intelligence. During the attacks of B-52s, we shot down a few B-52s and captured documents. One of them was a order by the [U.S.] air command about the targets to be bombed in and around Hanoi and the positions of [our] forces. Some [of the figures] were correct, [but] some were wrong because of our deception [measures]. And our conclusion was that with such anti-air-power measures, the B-52 is not an effective way to fight. ...

We had to resort to different measures, some of which are quite simple, like hiding in man-holes and evacuating to the countryside. And we fought back with all our forces and with every kind of weapon. We fought with anti-aircraft artilleries and with small guns, even though [it was] sometimes solely with the strength of our local force. An 18-year-old girl once said that she followed routes every day and studied the patterns of American flights and when they would attack. I told her that she is a philosopher to understand that, because only philosophers talk about principles. Later she used small gun to shoot down an aircraft from a mountainside. That is an example of the military force of the common people. ... We had ingenuity and the determination to fight to the end.

I appreciated the fact that they had sophisticated weapon systems but I must say that it was the people who made the difference, not the weapons. There was also a human factor involved. [As to] whether they were tempted to use nuclear weapons during the war: there was a time during the Dien Bien Phu campaign in which the Americans were going to use nuclear weapons, and this is back in 1954 during the Eisenhower era. We were also aware of possible use of nuclear weapons and we were prepared for it. But whether the Americans could really use nuclear weapons was a question of international politics, and it also depended on the American allies. But looking at the intertwined forces, as the situation was, the result [of a nuclear blast] would not be good, and the Americans had to think hard. If nuclear weapons were used on locations where the Vietnamese troops were concentrated, it [would] also [affect] American troops.

On the Ho Chi Minh Trail:

The Ho Chi Minh Trail was a very extensive system; it started with a trail but later became a road. Many roads, actually: the Western road system and the Eastern road systems, criss-crossing here and there. And also there were the extensive systems of gas pipelines and communications lines, and routes on rivers and across the sea. We did everything possible to keep the whole system going. I visited many important points which were subjected to many B-52 bombings 23 out of 24 hours a day; we had many teams working toward maintaining the operation, including a team made up of women who had to use iron rings to defuse the [unexploded] bombs. ...

We made big sacrifices. I visited a dozen girls who maintained the route in Dong Lap of Nghe An Province; they showed me how they invented camouflage to cover the lamps so that those in vehicles can see, but the planes could not see. They urged us to move fast; and they all died during the bombing. There was danger of the trail being cut off, but it never really was cut off.

With a long procession of vehicles, and with the bombing from the B-52s, it was very difficult, but we had to use both courage and wisdom. There are some routes that the Americans did not know about, but if they had used a telescope they would have seen the routes quite clearly. But we did not use those routes. We used some secret smaller trails as a detour and we went during the day.

On the Tet Offensive:

The Tet Offensive is a long story. ... It was our policy, drawn up by Ho Chi Minh, to make the Americans quit. Not to exterminate all Americans in Vietnam, [but] to defeat them.

It could be said [Tet] was a surprise attack which brought us a big victory. For a big battle we always figured out the objectives, the targets, so it was the main objective to destroy the forces and to obstruct the Americans from making war. But what was more important was to de-escalate the war -- because at that time the American were escalating the war -- and to start negotiations. So that was the key goal of that campaign. But of course, if we had gained more than that it would be better.

And [after Tet] the Americans had to back down and come to the negotiating table, because the war was not only moving into the cities, to dozens of cities and towns in South Vietnam, but also to the living rooms of Americans back home for some time. And that's why we could claim the achievement of the objective.

On the U.S. leadership during the war:

In general, I must say they were the most intelligent people, with certain talents such as military, political and diplomacy skills. They were intelligent people. That was the first point that I want to say. The second point I want to say is that they knew little about Vietnam and her people. They didn't understand our will to maintain independence and equality between nations even though these are stated in President Jefferson's manifestation. And so they made mistakes. They did not know the limits of power. ... No matter how powerful you are there are certain limits, and they did not understand it well. ...

The people in the White House believed that Americans would definitely win and there is not chance of defeat. There is a saying which goes, "If you know the enemy and you know yourself, you would win every single battle." However, the Americans fought the Vietnamese, but they did not know much about Vietnam or anything at all about the Vietnamese people. Vietnam is an old nation founded in a long history before the birth of Christ. ... The Americans knew nothing about our nation and her people. American generals knew little about our war theories, tactics and patterns of operation. ...

During the war everyone in the country would fight and they [would] do so following the Vietnamese war theory. We have a theory that is different from that of the Russians and that of the Americans. The Americans did not understand that. They did not know or understand our nation; they did not know our war strategies. They could not win. How could they win? As our president said, there was nothing more precious than independence and freedom. We had the spirit that we would govern our own nation; we would rather sacrifice than be slaves.

Now that the normalization between our two countries have been established, we hope for better relations, but it should be based on equality. Otherwise, if America is at advantage simply because she is richer, it will be unacceptable for us. Now we hope that American leaders can understand Vietnam and her people better.

Võ Nguyên Giáp và Điện Biên Phủ

Sau những bài của các học giả nước ngoài về vai trò của cố vấn Trung Quốc và sự trợ giúp của Trung Quốc cho Việt Nam trong chiến thắng Điện Biên nay BBC mời quý vị theo dõi phần trích lược cuốn hồi ký *Điện Biên Phủ, điểm hẹn lịch sử* của đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Cuốn sách chúng tôi trích dẫn là của Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân ấn hành năm 2000 với phần chú là ‘hồi ức’ của tướng Giáp do Hữu Mai thể hiện.

[Trò chuyện với trung tướng Nguyễn Đình Ước](#)

Những đoạn về cố vấn Trung Quốc

Trước hết, cuốn sách nói khá ít về Trung Quốc và đoàn cố vấn do Vi Quốc Thanh chỉ đạo ở Điện Biên Phủ. Nhưng những phần nói đến họ đều được thể hiện khá tình cảm và cho thấy mối quan hệ đó kéo dài cả sau chiến thắng Điện Biên. Ở trang 396, tướng Giáp còn nhắc tới một kỷ niệm như sau:

Bốn năm sau, đồng chí Vi Quốc Thanh từ Quảng Tây sang thăm Hà Nội. Đồng chí tặng tôi bức màn trúc có con chim ưng và dòng chữ ‘Đông phong nghênh khải hoàn’ (Gió đông đón khải hoàn). Đồng chí nói: Những năm ở Việt Nam là thời kỳ hoàng kim trong cuộc đời hoạt động cách mạng của tôi.

Trong thời gian trước khi nổ ra chiến dịch Điện Biên và suốt trong thời gian tấn công tập đoàn cứ điểm được tướng Giáp gọi là ‘con nhím thép Điện Biên’, cuốn hồi ký chỉ nhắc đến các cố vấn Trung Quốc không nhiều.

Lần thứ nhất là phần ghi trong trang 17. Sau nhiều trang dựng lại bối cảnh quốc tế được viết theo ngôn ngữ của dòng sử chính thống ở Việt Nam như cuộc chiến Triều Tiên, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, các *nỗ lực chống cộng* của phe xâm lược và tình hình chiến sự, tương quan lực lượng hai bên tại Đông Dương, tướng Giáp có ghi:

Từ năm 1950, chúng ta vẫn giữ thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ. Hạ tuần tháng Chín năm 1953, các đồng chí Trung Quốc chuyển cho ta một bản kế hoạch Nava với cả bản đồ, do cơ quan tình báo của bạn thu thập được.

Đoạn sau, ông Giáp nói về kế hoạch mang tên tướng Henri Navarre, tổng chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương từ 1953.

Tiếp sau đó, ở trang 19, ông Giáp viết:

Đồng chí Vi Quốc Thanh về nước mới sang, cùng tôi lên Khuổi Tát gặp Bác. Sau khi nghe trình bày kế hoạch của địch, Bác nói ‘Nava rất nhiều tham vọng, muốn giành chiến thắng lớn về quân sự. Địch muốn chủ động, ta buộc chúng phải lâm vào bị động. Địch

muốn tập trung quân cơ động thì ta có kế hoạch buộc chúng phải phân tán mà đánh'. Tôi và đồng chí Vi Quốc Thanh nhất trí mở những cuộc tấn công nhằm vào những chiến trường hiểm yếu mà địch yếu, hoặc tương đối yếu, nhưng lại không thể bỏ, là cách tốt nhất buộc địch phải phân tán lực lượng. Cũng nhất trí về hướng Lai Châu, hướng Trung và Hạ Lào.

Ở đoạn này, ông Giáp không nói rõ ai ‘trình bày kế hoạch của địch’ cho ông Hồ Chí Minh và quá trình đi đến ‘nhất trí’ là như thế nào, vai trò của ông Vi Quốc Thanh ra sao. Tuy nhiên, có thể hiểu từ đoạn văn trên rằng ông Giáp muốn nhấn mạnh vai trò định hướng quân sự chiến lược của ông Hồ Chí Minh.

Sang trang 23, tướng Giáp ghi rằng ông bàn với tướng Hoàng Văn Thái *cùng các đồng chí cố vấn xây dựng một kế hoạch đánh địch ở nhiều hướng, buộc địch phải phân tán, đối phó, nhằm trước hết là phá thế tập trung binh lực của địch ở đồng bằng.*

Từ sở chỉ huy của Đờ-cát khó phân biệt được đâu là quân Việt Minh và đâu là cố vấn Trung Quốc

Trong phần về giai đoạn đưa quân lên Điện Biên Phủ, nhiều trang trong cuốn sách được dành để phân tích chiến lược của Henri Navarre và các nhận định của phía Việt Nam cùng các chiến dịch của các đơn vị quân Việt Nam tại các vùng khác. Không thấy tướng Giáp nhắc đến các cố vấn Trung Quốc trừ một đoạn như ở trang 47.

Ông viết: *Ngày 26 tháng 11 năm 1953, cơ quan tiền phương của Bộ lên đường đi chiến dịch Tây Bắc. Đoàn Cố vấn Trung Quốc rất tán đồng chủ trương và kế hoạch tác chiến Đông Xuân của ta chọn Tây Bắc là hướng chính. Đoàn cử đồng chí Mai Gia Sinh, Cố vấn tham mưu, cùng đi với anh (Hoàng Văn) Thái.*

Và mãi đến trang 107, Võ Nguyên Giáp mới nhắc đến nhân vật Vi Quốc Thanh ở một đoạn rất quan trọng. Vị đại tướng mô tả về *quyết định khó nhất cuộc đời* của ông là quyết định bỏ phương án *đánh nhanh thắng nhanh* đầu năm 1954 để chuyển sang phương án đánh chậm nhưng chắc thắng theo lời dặn của chủ tịch Hồ Chí Minh. Khi đó, phía Việt Nam đã kéo pháo vào và chuẩn bị đánh dồn dập trước khi quân Pháp kịp củng cố cứ điểm Điện Biên.

Theo những gì tướng Giáp viết thì trước cuộc họp đảng ủy mặt trận sáng 26/01/1954, ông gặp ông Vi Quốc Thanh để bàn về quyết định đó. Ông viết:

Tôi bảo đồng chí Hoàng Minh Phương, trưởng đoàn phiên dịch của Bộ, chuẩn bị cho tôi gặp ngay đồng chí Trưởng đoàn Cố vấn quân sự.

Đồng chí Vi Quốc Thanh ngạc nhiên nhìn nắm ngải cứu trên trán tôi. Đồng chí ân cần hỏi thăm sức khỏe, rồi nói:

-Trận đánh sắp bắt đầu. Đề nghị Võ Tổng cho biết tình hình tới lúc này ra sao?

Tôi đáp:

-Đó cũng là vấn đề tôi muốn trao đổi với đồng chí Trưởng đoàn. Qua theo dõi tình hình, tôi cho rằng địch không còn trong trạng thái lâm thời phòng ngự, mà đã trở thành một tập đoàn cứ điểm phòng ngự kiên cố. Vì vậy không thể đánh theo kế hoạch đã định...

Tôi nói tiếp ba khó khăn lớn nhất của bộ đội, rồi kết luận:

-Nếu đánh là thất bại.

-Vậy nên xử trí thế nào?

-Ý định của tôi là ra lệnh hoãn cuộc tiến công ngay chiều hôm nay, thu quân về vị trí tập kết, chuẩn bị lại theo phương châm đánh chắc, tiến chắc.

Sau giây lát suy nghĩ, đồng chí Vi nói:

-Tôi đồng ý với Võ Tổng. Tôi sẽ làm công tác tư tưởng với các đồng chí trong đoàn cố vấn.

-Thời gian gấp. Tôi cần họp đảng ủy để quyết định. Và đã có dự kiến cho (đại đoàn) 308 tiến về phía Luông Phabăng, bộc lộ lực lượng chừng nào, kéo quân địch về hướng đó, không để chúng gây khó khăn khi quân ra kéo pháo ra...

Cuộc trao đổi giữa tôi với đồng chí Vi diễn ra khoảng hơn nửa giờ. Tôi nghĩ đồng chí Vi sẽ không dễ dàng thuyết phục các chuyên gia đã cho rằng chỉ có đánh nhanh thắng nhanh mới giành thắng lợi.

Qua đoạn văn này, người đọc có thể hiểu rằng các cố vấn Trung Quốc từ trước tới đó muốn Việt Nam thực hiện phương án tấn công đánh chóng để tiêu diệt Điện Biên Phủ. Nhưng sau đó tướng Giáp không trở lại chuyện ông Vi Quốc Thanh thuyết phục các cố vấn như thế nào.

Trang 136 có thêm một đoạn nói về việc tướng Giáp tới lán chúc Tết trưởng đoàn cố vấn Trung Quốc. Đó là dịp Tết Giáp Ngọ. Nhân đó, ông Vi Quốc Thanh ‘đã đề nghị Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tham mưu quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc gửi sang gấp những tài liệu tổng kết kinh nghiệm chiến đấu mới nhất ở Triều Tiên, nhất là kinh nghiệm xây dựng trận địa và chiến đấu đường hầm, kẻ cả cuốn sách Thượng Cam Lĩnh, để bộ đội Việt Nam tham khảo’.

Những dòng ghi chép từ quá khứ giúp giới trẻ hiểu thêm về lịch sử

Trong phần về ‘trận địa chiến hào’ ở trang 155 có đoạn:

Các cố vấn Trung Quốc giới thiệu với chúng ta kinh nghiệm của bạn trong chiến dịch Hoài Hải. Tại đây, giải phóng quân đã đào những đường hào cho pháo và ô tô vận động dưới những trận oanh kích của địch. Các đồng chí cũng nhắc đến kinh nghiệm chiến đấu đường hầm ở Triều Tiên. Quân chỉ nguyện Trung Quốc và quân đội Triều Tiên đã kiến thiết những đường hầm trong lòng núi tuyết đối an toàn trong những trận đấu pháo với địch. Anh Thái tổ chức cho một đơn vị công binh đào thực nghiệm...Tôi cùng đồng chí Cố vấn Mai Gia Sinh trực tiếp theo dõi việc đào trận địa chiến hào của một tiểu đội theo những yêu cầu Bộ chỉ huy Mặt trận đã đề ra...

Như vậy, ngoài phần nói trong đoạn sau cuốn sách về cuộc gặp của chủ tịch Hồ Chí Minh với Chu Ân Lai tại Liễu Châu mà ông Giáp có tham gia để bàn về quyết định lấy vĩ tuyến nào làm đường giới tuyến tạm thời thì tướng Giáp không nhắc đến các nhân vật Trung Quốc trong suốt quá trình diễn ra trận Điện Biên Phủ nữa.

Cuốn sách của ông Võ Nguyên Giáp cũng không cho biết đoàn cố vấn Trung Quốc có bao nhiêu người, mang những quân hàm cấp gì, thời gian họ ở Việt Nam bao lâu, ở những đâu và quá trình liên lạc, trao đổi giữa họ và phía Việt Nam xảy ra như thế nào. Tóm lại, trong cuốn sách của ông Giáp, sự hiện diện của các cố vấn Trung Quốc khá là mờ nhạt. Trong tổng số 476 trang sách chỉ có chừng hơn 10 trang có những đoạn về đề tài này.

Trợ giúp quân sự

Về sự giúp đỡ quân sự của Trung Quốc, ở trang 348 có một đoạn như sau:

Trong thực tế, về đạn 105, ta chỉ có tổng số khoảng 20.000 viên, gồm 11.000 viên chiến lợi phẩm của chiến dịch Biên Giới, 3.600 viên do Trung Quốc viện trợ kèm theo pháo, 440 viên chiến lợi phẩm của mặt trận Trung Lào, và khoảng 5.000 thu được của địch thả dù tiếp tế. Sau chiến tranh Triều Tiên, đạn pháo 105 ở Trung Quốc cũng rất khan hiếm. Trước nhu cầu cấp thiết của chiến dịch, bạn đã vét đạn 105 từ các kho chuyển cho ta, nhưng 7.400 viên tháng 5 năm 1954 mới tới khi trận đánh đã kết thúc.

Có một chi tiết không chính xác trong các con số Việt Nam đưa ra về số đạn pháo 105 ly. Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết là 3.600 viên nhưng trong một bài báo trên tờ Quân Đội Nhân Dân 08/01/2004, ông Hoàng Xuân Tuyền, nguyên trưởng ban tuyên huấn mặt trận Điện Biên Phủ lại đưa ra con số 3000 viên. Tuy thế có thể coi đây là một sự sai lệch không đáng kể.

Từ những đoạn văn khác, người đọc có thể hiểu rằng số đạn dùng cho các loại pháo khác và cao xạ là rất lớn. Ở trang 339 có câu *Pháo đối đạn trăm trọng. Có ngày mỗi khẩu pháo của ta chỉ còn hai, ba viên đạn. Trước đó, một số đơn vị cũng đã sử dụng đạn quá lãng phí. Một trung đoàn qua năm ngày kiểm chế pháo binh địch, bắn hết 2.000 viên đạn súng cối. Một tiểu đoàn phòng không 12 ly 7 trong một ngày, bắn tới 12.000 viên đạn.*

Nhưng tướng Giáp không nói về nguồn gốc và con số các loại đạn khác đó cũng như vũ khí, quân trang quân dụng của bộ đội Việt Nam là tự chế tạo, do Trung Quốc, Liên Xô hay nước nào giúp đỡ.

Khi đề cập đến quá trình tiếp tế lương thực, ông Giáp viết khá kỹ về các đóng góp của nhân dân các tỉnh như Thanh Hóa và các địa phương khác nhưng không nói gì đến Trung Quốc.

Trong đoạn về chuẩn bị đánh Điện Biên, tướng Giáp có nhắc ngắn gọn đến cuộc Cải cách Ruộng đất. Ở trang 86, ông viết về Luật ruộng đất ngày 4/12/1953 'đã thổi một luồng sinh

khí mới vào hàng ngũ những người kháng chiến, đặc biệt là cán bộ, chiến sĩ trong quân đội vốn phần lớn xuất thân từ nông dân' mà không nhắc đến quá trình Việt Nam áp dụng phương pháp đấu tố của Trung Quốc trong Cải cách Ruộng đất.

Đặc biệt hơn cả, trong cuốn sách không hề có đoạn nào tổng kết con số thương vong của quân đội Việt Minh. Cũng không rõ trong số cổ vấn Trung Quốc có ai bị giết hay bị thương tại Điện Biên Phủ hay không.

Tư liệu có giá trị

Nhìn chung, cuốn sách của đại tướng Võ Nguyên Giáp tập trung nhiều vào việc mô tả các trận đánh, nêu gương quyết tâm chiến thắng và tài trí của bộ đội Việt Nam.

Ông cũng đề ra nhiều trang nhằm phân tích tình hình chiến sự ở Đông Dương, tác động qua lại giữa của các sự kiện ngoại giao trên thế giới và chiến trường. Tướng đã dùng nhiều tư liệu từ các nguồn của Pháp và Mỹ có được sau này để bổ sung thông tin.

Sự hấp dẫn của cuốn sách chính là ở chỗ những phần về chính trường quốc tế, hiển nhiên được diễn dịch theo quan điểm chính thống của đảng cộng sản Việt Nam, giúp cho những người đọc nếu thiếu tư liệu quốc tế ở tại Việt Nam có một cái nhìn toàn cảnh vượt ra ngoài chính trận Điện Biên Phủ.

Nhưng cuốn sách không nhắc gì đến cái nhìn từ Bắc Kinh khiến người ta có thể hiểu rằng: hoặc ông Giáp không có trong tay các tài liệu của Trung Quốc chưa giải mật, hoặc ông không muốn dùng những gì Trung Quốc đưa ra trong thời gian xung đột biên giới với Việt Nam để nói về vai trò của họ trong hai cuộc kháng chiến của Việt Nam.

Qua những đoạn nói đến ông Vi Quốc Thanh và đoàn cổ vấn Trung Quốc, người đọc có thể hiểu là Trung Quốc, ít ra là vào thời gian đó, đã thông qua lời trưởng đoàn cổ vấn 'biểu thị quyết tâm đồng cam cộng khổ, đem hết trí tuệ và năng lực giúp bộ đội Việt Nam giành toàn thắng' (trang 136).

Ở phần tổng kết, cuốn sách trình bày chiến thắng Điện Biên Phủ theo tinh thần các nghị quyết từ trước tới nay của đảng cộng sản Việt Nam. Đó là quan điểm rằng đây là thắng lợi của cuộc *chiến tranh toàn dân, toàn diện, lâu dài, liên tục, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc*. Nếu như các nhân vật Phương Tây, nhất là trong giới quân sự, thường coi tướng Giáp là kiến trúc sư của trận Điện Biên thì trong hồi ức của mình, ông Giáp khiêm tốn không viết một câu nào về bản thân ở phần kết luận.

Ông đề ra nhiều trang đề ca ngợi lãnh tụ Hồ Chí Minh và đảng CSVN, cho rằng mọi ông Hồ là tác giả của chiến lược chiến tranh nhân dân. Ông Giáp cũng nói rằng “những thành tựu mà quân và dân ta thu được trong kháng chiến chống Pháp đã đưa học thuyết quân sự Việt Nam lên một trình độ mới, một chất lượng mới và sức mạnh mới, trở thành học thuyết quân sự Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh”.

Đáng tiếc là ông Giáp không so sánh và cho người đọc biết chiến tranh nhân dân của Việt Nam khác chiến tranh nhân dân của Trung Quốc, Liên Xô hay Bắc Hàn ra sao và có sự trao đổi kinh nghiệm gì giữa các quân đội cộng sản thời đó hay không. Tuy vậy, người đọc có thể thấy rải rác trong nhiều trang sách những đoạn dùng từ ngữ rất lạ với tiếng Việt trước kháng chiến chống Pháp. Chẳng hạn các từ như *công kiên*, *tung thâm*, các đoạn nói về bộ đội đọc sách *Thượng Cam Lĩnh* cho thấy các kinh nghiệm chiến trường kèm theo cách nói, thậm chí ít nhiều tư duy quân sự Trung Quốc hay Bắc Triều Tiên đã có mặt ở Điện Biên Phủ. Ông Giáp cũng không nhắc đến các đợt chỉnh huấn theo mô hình Trung Quốc trong quá trình xây dựng Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Núi rừng Điện Biên còn lưu giữ nhiều chứng tích lịch sử quan trọng

Tuy nhiên, đối với các nhà nghiên cứu quân sự và sử gia nước ngoài thì đây chắc chắn là một cuốn sách có giá trị. Nó được viết qua lời kể của chính ông Giáp chứ không phải ai khác. Mà từ trước đến nay, bất kể sự trợ giúp của Liên Xô và Trung Quốc là bao nhiêu thì Điện Biên Phủ đã gắn liền với tên tuổi của ông Hồ Chí Minh và một phần nhỏ hơn là tên tuổi của ông Võ Nguyên Giáp.

Quan điểm lịch sử

Việc Trung Quốc và một số sử gia nhắc lại nhiều về vai trò của Trung Quốc trong chiến thắng Điện Biên đáng ra phải được giới sử học tại Việt Nam hiện nay đón nhận chứ không nên có phản ứng quá mạnh mẽ vì cho rằng đó là một âm mưu làm giảm đi tầm vóc thắng lợi vĩ đại của Việt Nam.

Rất có thể đó là tâm lý muốn nêu cao tính dân tộc và sự độc đáo của Việt Nam trong chiến tranh. Nhưng thực tế là mọi cuộc chiến trong thế kỷ 20 đều bị quốc tế hóa nặng nề và cũng không vì thế mà người ta đánh giá kém đi tài cầm quân của các tướng lĩnh, bất kể trong trận chiến nào.

Trong thế chiến Hai, tướng de Gaulle sau khi chạy sang Anh đã hoàn toàn dựa vào sự trợ giúp của phe Đồng Minh. Quân đội Nước Pháp Tự Do của ông chỉ chiến đấu được trong sự phối hợp với Mỹ và Anh để giành lại quyền làm chủ ở nước Pháp. Nhưng không ai lấy đó làm lý do để cho rằng de Gaulle không phải là nhân vật lớn nhất của nước Pháp trong thế kỷ 20.

Nếu không có viện trợ ồ ạt từ súng đạn, tàu chiến đến binh sỹ của Hoa Kỳ thì Winston Churchill và nước Anh chắc chắn đã thua Hitler. Nhưng không ai coi đó là lý do làm giảm uy danh của Churchill và thời gian qua, người Anh trong một chương trình của BBC đã bầu chọn ông là một trong những nhân vật vĩ đại nhất trong lịch sử Anh Quốc.

Tâm vóc của các nhà chính trị và các danh tướng còn được đánh giá qua cách họ lợi dụng các đồng minh để có lợi cho mình. Thậm chí các sử gia nay còn đang thích thú tìm ra những mưu kế mà Churchill đã dùng để kéo Hoa Kỳ vào trận tại châu Âu khi nước Anh đã gần kiệt sức. Cách trình bày lịch sử cứng nhắc hoặc đơn giản hóa, tuy dễ viết, dễ nói và dễ trình bày với một số giới nhưng xét cho cùng lại chỉ làm giảm đi tính hấp dẫn và tầm vóc của các chiến thắng với mọi góc cạnh phức tạp của nó.

Nguyễn Bình, Prague, CH Czech

Tác giả muốn gắn liền vai trò của Trung Quốc trong Chiến thắng Điện Biên phủ, hơn nữa phủ nhận những gì oanh liệt của Việt Nam. Nếu tác giả chỉ dựa vào những gì viết ở một vài cuốn hồi ký để mà phân tích tình hình thì thật là ấu trĩ. Thứ nhất, tướng Giáp dù sao cũng có nhiều tình cảm tốt và nhiều kỷ niệm đẹp với Trung quốc (các nhà lãnh đạo và nhân dân) do đó ông không muốn lên án chính sách và những âm mưu của Trung quốc qua các thời kỳ kháng chiến của Việt Nam.

Về những kinh nghiệm ở các chiến trường khác, chuyện học hỏi và rút ra những bài học quý giá áp dụng cho mình là một sự thật minh chứng rằng quân đội Việt nam! đã hơn hẳn quân đội QT trong thời điểm đó. Người ngu dốt đến đâu cũng thừa biết rằng trong khi chúng ta nghiên cứu, học tập những kinh nghiệm chiến đấu của TQ qua các chiến trường Triều tiên, chiến dịch Hoài Hải.. thì các tướng lĩnh trong quân đội Pháp cũng nghiên cứu kỹ lưỡng về vấn đề này. Hơn nữa cơ quan tình báo của Pháp có phải là trẻ con đâu mà các chuyên gia TQ và quân đội Việt nam qua mặt được họ?

Tôi cũng đã đọc nhiều tài liệu về chiến dịch Điện Biên phủ và quan trọng hơn là được gặp nhiều nhân chứng quan trọng của chiến dịch đó và tất cả những người đó đều nói rằng điều quan trọng nhất mà Hồ chủ tịch và tướng Giáp đã làm được là luôn đi ngược lại sự cố vãn của các cố vãn, chuyên gia Trung quốc, chính điều này đã mang lại yếu tố bất ngờ dẫn đến chiến thắng của chiến dịch. Chúng ta không quên ơn của nhân dân Trung quốc về sự giúp đỡ qua các thời kỳ kháng chiến của đất nước, tuy nhiên cũng lên án những âm mưu và thủ đoạn của các nhà lãnh đạo TQ. Họ mang Việt nam ra để làm điều kiện với Pháp, rồi với Mỹ, họ luôn làm mọi cách để Việt nam rơi vào vòng thao túng của họ.

Hoàng, Hà Nội

Điện Biên Phủ sẽ vẫn là Điện Biên Phủ, vì đó đã trở thành một phần của lịch sử thế giới. Dân tộc VN trong thế kỷ 20 còn có sự kiện nào đánh tự hào hơn sự kiện ĐBP, ngay cả Trung Quốc cũng chẳng có sự kiện nào to lớn hơn nên phải nhảy vào tranh công với VN nữa mà. Tôi thấy thất vọng với những bài viết ở đây quá, hãy công bằng, khách quan với lịch sử, một trong chúng ta ở đây không ai có quyền phán xét lịch sử đâu, cho tôi xin lỗi những tôi thấy một số bạn chẳng biết gì về lịch sử cả, đừng gáp ghép chuyện này với chuyện khác một cách lung tung như thế.

Vợ Nguyên Giáp: người "chiến sĩ" số 1

Đại tướng Vợ Nguyên Giáp

TTCN - "Mỗi lần trở lại Điện Biên Phủ, tôi tới nghĩa trang liệt sĩ dưới chân đồi A1 thấp nén hương tưởng niệm những người đồng đội đã nằm lại đây. Đứng trước rất nhiều ngôi mộ không có tên, tôi hình dung ra anh chiến sĩ trẻ tới chiến trường giữa trận đánh, chiến đấu bên những người đồng đội chưa kịp biết tên mình và mình cũng chưa kịp biết là ở đơn vị nào..."(*)

"Ài thầu dú Điện Biên! Ài thầu dú Điện Biên!". Người dân Điện Biên gọi ông là "Ài thầu", từ tiếng Thái dành cho người mà họ kính yêu nhất. Chuyển đi Điện Biên Phủ hôm 17-4 vừa qua là chuyển đi được nôn nao chờ đợi của Đại tướng. Đã 50 năm qua Điện Biên Phủ là một cái gì đó thật thiết tha trong lòng ông.

Năm 2001, nhân sinh nhật lần 90 của mình, có hai người khách từ Điện Biên Phủ được Đại tướng mời về Hà Nội. Đó là hai cụ Bạc Cầm Bóng và L. Văn Nhay, hai người giúp việc thời Đại tướng ở Sở chỉ huy Mường Phăng. Cụ Bóng về đến Hà Nội, vừa bước vào được Đại tướng đón bằng tiếng Thái: "Hoạt lươn te điều ti noong căn - Về đây là nhà, đừng khách sáo nhé". Cụ Bóng chỉ cịn biết ôm lấy vị tướng già mà khóc.

Hai ngày trước chuyển đi lên Điện Biên. Hà Nội mưa. Đại tướng hỏi: "Cậu định viết về tôi?". Ông đưa ra tờ Le Monde, số mới nhất, in chân dung ông trên trang bìa và dòng chữ Ma Victoire (Chiến thắng của tôi)". Ông than phiền: "Tại sao họ lại viết như vậy!". "Điện Biên Phủ là chiến thắng của cả dân tộc, cậu đừng viết về tôi". Cụ tổng giám đốc Thông tấn xã, ông Đỗ Phượng, kể: Có lần Thông tấn xã muốn xuất bản một bộ sách ảnh về ông, nhưng khi xin ư kiến, ông không chịu. Đại tướng nói: "Có biết bao anh hùng đã hi sinh, một tấm ảnh để lại cũng không có...". Thăm Điện Biên Phủ, nơi những chiến thắng đang được cố gắng tái hiện, vẫn thấy ở khóe mắt ông nước mắt.

Đại tướng Vợ Nguyên Giáp sinh năm 1911 tại thôn An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình.

Tướng Giáp kể: "Ông ngoại tôi vốn là một lãnh binh theo nghĩa quân Cần Vương, mỗi khi Tây về làng bà ngoại lại phải bỏ mẹ tôi vào quang thúng gánh chạy". Những năm học ở Trường Quốc học Huế, cậu Giáp học rất xuất sắc, thường tới nhà cụ Phan Bội Châu đàm đạo và được cụ Phan cho mặc sức sử dụng kho sách của mình. Giáp cũng chơi thân với thầy giáo Đặng Thai Mai. Con gái cụ Mai, bà Đặng Bích Hà, sau này là phu nhân đại tướng, kể: "Ba tôi lớn hơn nhà tôi một giáp, nhưng hai người là bạn vong niên, rất thân nhau".

Năm ông 16 tuổi, người Pháp đuổi học anh Nguyễn Chí Diểu, một học sinh hơn Giáp 3-4 tuổi. Giáp khởi xướng một cuộc bãi khóa để phản đối. Vụ kiện ấy Giáp bị đuổi học, về làng. Anh Nguyễn Chí Diểu đến An Xá tìm Giáp: "Chúng tôi đã lập Đảng Tân Việt". Giáp bảo: "Tôi đi với anh". Tham gia Đảng Tân Việt, Vợ Nguyên Giáp góp phần tích cực đưa Tân Việt tham gia Đông Dương Cộng sản đảng. Vừa hoạt động cho Đảng, vừa viết báo Tiếng Dân, vừa tự học. Tháng 10-1930, Giáp bị bắt cùng với thầy Đặng Thai Mai và nhiều người khác, trong đó có Nguyễn Thị Quang Thái, em gái nữ sĩ Nguyễn Thị Minh Khai. Hơn một năm sau ra tù, thầy Mai bị đuổi khỏi Trường Quốc học, về Vinh sinh sống và hoạt động, Giáp ra theo. Năm thầy Mai ra Hà Nội dạy học ở Trường Thăng Long, Giáp cũng ra Hà Nội, vừa dạy sử ở Thăng Long, vừa tự học lấy bằng cử nhân luật và kinh tế. Năm đó, cô con gái cưng của thầy Mai, Đặng Bích Hà, mới chỉ lên bốn, lên năm.

Bên tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ trên đồi A1

Năm 1929, 18 tuổi, lần đầu tiên tướng Giáp ra Hà Nội. Một người đồng chí của ông ở Tân Việt, ông Nguyễn Văn Tạo, dẫn ông ra Cửa Bắc, thành Hà Nội để nhá hai vết đạn đại bác của Pháp đánh dấu thành Hà Nội thất thủ. Tướng giữ thành Hoàng Diệu tự sát. PGS Đặng Bích Hà kể:

“Lúc dạy học ở Thăng Long, ông Giáp hay đến nhà chơi. Ông thường nói về tinh thần yêu nước và quá khứ anh hùng. Ông vẫn thường dẫn học trò ra đề Giăng Vơ coi mộ Francis Garnier; ra Cầu Giấy chỉ cho học sinh mộ Henri Rivière để nung nấu họ tinh thần chống Pháp”.

Nhà văn Hữu Mai, người gần gũi và đã từng chấp bút một số hồi ký của tướng Giáp, nói: “Hồi đó, trước tàu đồng súng lớn của giặc Tây, mất nước như là một định mệnh của các nước yếu. Lịch sử trước đó chưa từng có nước phương Đông nào phá được một đồn Tây. Nhưng đến Điện Biên Phủ thì nước yếu VN đã phá được cả một tập đoàn cứ điểm”. Điện Biên Phủ đã đi vào lịch sử bằng chính chiến thắng trước người Pháp chứ không chỉ đi bằng sự tuần tiết như Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương... Và, không biết có phải là “một sự an ủi của lịch sử” mà tướng Giáp, sau khi chỉ huy trận Điện Biên Phủ, đã về sống trên con phố mang tên vị tướng Hoàng Diệu tuần tiết.

Lần ra Hà Nội năm đó (1929) của Giáp là để bàn với chi bộ Vinh và Hà Nội tổ chức cho nữ đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đi thoát ly. Theo lời kể của chị Hồng Anh, con gái Tướng Giáp: “Chính vào dịp này, cha tôi lần đầu tiên nghe nhắc đến cái tên Nguyễn Thị Quang Thái, cô em gái trẻ, thông minh và rất xinh của Nguyễn Thị Minh Khai. Trong chuyến tàu cha tôi trở lại Huế, tới Vinh thì gặp mẹ tôi lên tàu, cùng với một nữ sinh Đồng Khánh. Lúc đó mẹ tôi mặc áo dài, tóc để xỏa, da trắng, gương mặt sáng. Nhưng điểm gây ấn tượng với cha tôi nhất là đôi mắt”. Năm 1935, họ cưới nhau. Năm 1940, Vợ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng được tổ chức đưa sang Vân Nam. Giáp chia tay với người vợ trẻ Nguyễn Thị Quang Thái khi họ vừa có Hồng Anh, con gái đầu lòng. Đó là lần chia tay cuối. Sau khi Giáp ra đi, Nguyễn Thị Quang Thái bị Pháp bắt và năm 1944 chết trong nhà tù.

PGS Đặng Bích Hà kể: “Lúc đó (1946) gia đình tôi ở Sầm Sơn, chính phủ thân Nhật mời cha tôi giữ một chức bộ trưởng. Cha tôi không nhận. Ông chuyển ra Hà Nội. Anh Giáp trún tới thăm”. Năm ấy, Vợ Nguyên Giáp đã không khỏi ngỡ ngàng vì Đặng Bích Hà lúc này không còn là một cô bé con nưa. Cô đã bước sang tuổi 19, đẹp và hướng trọn tinh thần giáo dục của người cha, giáo sư Đặng Thai Mai. Mỗi tith của họ đã đưa bà theo ông lên chiến khu, sinh cho ông thêm hai cô gái, và đúng năm 1954 sinh hạ người con trai thứ nhất, đặt tên là Vợ Điện Biên. Các con ông, kể cả người con gái đầu Vợ Hồng Anh, phần lớn sống quây quần bên ông trong một ngôi nhà có vườn rộng nhưng đồ đạc thì hénh như đã có từ rất lâu rồi.

Đại tướng Vợ Nguyên Giáp và thượng tướng Trần Văn Quang, nguyên cục trưởng Cục Tác chiến chiến dịch ĐBP, ở hầm chỉ huy của tướng De Castries

Một người có nhiều năm làm việc ở tổng hành dinh (nơi lãnh đạo ta chỉ huy cuộc kháng chiến chống Mỹ) thiếu tướng Lê Phi Long, cục phó Cục Tác chiến, nói: “Tôi đã thử rất nhiều lần và thấy không đủ sức để viết nổi chân dung của ông, tướng Giáp”.

Khi phân công trong Đảng, Bác Hồ nói: “Việc quân sự giao cho chú Giáp”. Bác Hồ cũng đã từng cử Vợ Nguyên Giáp sang Trung Quốc học quân sự. Nhưng trên đường đi, Chiến tranh Thế giới thứ hai đưa người Pháp ở chính quốc vào thế thua, Bác thấy thời cơ tới nên gọi ông trở lại. Từ đó ông không có thêm cơ hội để học qua bất cứ một trường lớp quân sự nào. Nhà sử học Dương Trung Quốc, một người làm việc khá nhiều với tướng Giáp, nói: “Có lẽ những năm dạy sử ở Trường Thăng Long đã hénh thành nên tư duy quân sự của ông”.

Thiếu tướng Lê Phi Long cho rằng: “Ngoài tài năng còn có một yếu tố quan trọng khác, ông là một người có đầu óc thực tiễn ghê gớm, luôn tổng kết trong thắng trong bại để tìm ra cách đánh mới”. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, Đại tướng đã quyết định thay đổi cách đánh từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chậm, thắng chắc”. Một quyết định mà theo GS Phan Huy Lê, trở thành nhân tố làm nên Điện Biên Phủ. Một quyết định mà theo thượng tướng Lê Trọng Tấn, nếu không đưa ra thì toàn bộ lực lượng của ta đã bị “phơi áo” trong lòng chảo Điện Biên rồi. Nhưng quyết định đó không chỉ là kết quả của “11 ngày đêm trăn trở”. Theo thiếu tướng Lê Phi Long, kể từ tháng 5-1953 sau trận Nà Sản, Đại tướng đã quyết định thành lập một tổ nghiên cứu 24 người nằm trong rừng lim khu căn cứ Định Hóa để “chuẩn bị luận

đánh tập đoàn cứ điểm”.

Tướng Giáp là vị tổng tư lệnh trực tiếp chỉ huy hai cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi cuối cùng. Cả hai cuộc chiến ấy ông đều có một “cơ duyên” với thượng tướng Lê Trọng Tấn. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, đơn vị do tướng Lê Trọng Tấn chỉ huy đã cắm cờ trên nóc hầm tướng De Castries. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, lúc đầu “cánh quân chủ yếu” được xác định là Quân đoàn III, đánh từ Tây nguyên. Nhưng cuối cùng, “Cánh duyên hải” của tướng Lê Trọng Tấn, sau khi nhận được mệnh lệnh “thần tốc” trực tiếp từ tướng Giáp, đã tiến thẳng vào Sài Gòn cắm cờ trên dinh Độc Lập vào trưa 30-4. Tướng Giáp kể lại rằng vào cái buổi trưa lịch sử ấy, sau khi ra nốt những mệnh lệnh cuối cùng để giải quyết chiến trường, ông đã rời tổng hành dinh, lẳng lẽ đi bộ ra bờ hồ. Có lẽ đó là những giây phút hạnh phúc nhất của ông.

Năm 1975, giải phóng miền Nam. Năm 1977, Đại tướng Võ Nguyên Giáp thôi đảm trách bí thư Quân ủy trung ương và bộ trưởng Bộ Quốc phòng, những chức vụ mà ông được giao kể từ năm 1946. Năm 1982, ông thôi giữ chức ủy viên Bộ Chính trị. Năm 1983, ông kiêm nhiệm chủ tịch Ủy ban Quốc gia về sinh đẻ có kế hoạch. Cũng trong năm 1983 ấy, ông về quê, rồi đi bộ ra chợ Tréo ở huyện Lệ Thủy, Quảng Bình. Đến giữa chợ, ông hỏi: “Bún chợ Tréo chấm ruốc, giò có ngon không?”. Mấy người dân quê nghe, ạ khóc.

Đại tướng từng nói với tôi: “Tôi là một người lạc quan. Dù trong tính huống nào tôi cũng không thấy buồn phiền”. Những người sống và làm việc nhiều năm với ông đều có nhận xét như vậy. Nhà văn Hữu Mai nói: “Ngay cả khi sóng gió nhất, ông vẫn bình thản như không”.

Theo lời kể của chị Hồng Anh với nhà báo Lương Bích Ngọc: “Sau những giờ làm việc liên tục, ba tôi thư giãn bằng cách chơi đàn piano. Mấy năm gần đây ba tôi tập thiền và đi bộ nhiều”. Nhưng hơn cả những điều có thể diễn đạt bằng chữ là uy nghi không thể che giấu được của ông. Tôi muốn nhắc lại điều tôi đã từng viết trên Tuổi Trẻ: Cao hơn cả mọi nghi lễ, người dân và các chiến sĩ đã đón ông bằng tất cả lòng ngưỡng mộ khôn tả. Lòng ngưỡng mộ, chắc chắn không chỉ của một thế hệ này.

“Với 30 năm làm tổng tư lệnh và gần 50 năm tham gia chính sự ở cấp cao nhất, ông đã tỏ ra là người có phẩm chất phi thường trong mọi lĩnh vực của chiến tranh; khó có một vị tướng soái nào có thể so sánh với ông trong việc kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính qui ở trình độ cao... Cuộc đời của ông Giáp gắn liền với chiến đấu và chiến thắng, đã làm ông trở thành một trong những thống soái lớn của tất cả các thời đại”.

(Kư giả người Anh Peter Macdonald trong cuốn *Giap, les deux guerres d'Indochine*)

“Ông không chỉ trở thành huyền thoại mà có lẽ còn trở thành một thiên tài quân sự lớn nhất thế kỷ 20 và một trong những thiên tài lớn nhất của tất cả các thời đại”.

(Nhà sử học Mỹ Cecil Curry trong cuốn *Victory at any cost*)

Mối tình đầu của tướng Giáp và Nguyễn Thị Quang Thái

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, vị tướng huyền thoại của QĐND Việt Nam anh hùng và giáo sư Võ Hồng Anh, con gái Đại tướng đã có những dịp nói về mối tình đầu của đại tướng và nữ chiến sĩ cách mạng Nguyễn Thị Quang Thái, người chiến sĩ trung kiên, người vợ hiền dâu thảo của gia đình Đại tướng.

Giáo sư - Tiến sĩ khoa học toán lý Võ Hồng Anh, con gái Tướng Giáp và nữ chiến sĩ cách mạng Nguyễn Thị Quang Thái cho biết mẹ chị sinh năm 1915 tại Vinh, người gốc làng Nhân Chính (nay là phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội) là con của một kỹ sư cầu đường (ngày đó gọi là kỹ lục lộ) làm việc ở thành phố Vinh (Nghệ An). Mối tình đầu của Tướng Giáp với chị Quang Thái chớm nở từ những ngày hai người học tập và tham gia hoạt động cách mạng ở Huế. Có một điều đặc biệt, Quang Thái là em ruột của nhà cách mạng Nguyễn Thị Minh Khai, và cũng

như Minh Khai, Quang Thái vào Đảng Tân Việt cánh tả, tiền thân của Đông Dương cộng sản liên đoàn, một trong ba Đảng sau này hợp nhất thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

Vào năm 1929, với tư cách đại diện Tổng bộ Đảng Tân Việt đặt trụ sở tại Huế, đồng chí Võ Nguyên Giáp đã có chuyến công tác từ Huế ra Vinh và Hà Nội, sau đó trở vào Sài Gòn rồi cuối cùng mới về Huế, với mục đích chính là bàn việc hợp nhất với Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội và Việt Nam cộng sản Đảng, đồng thời bàn với các chi bộ ở Vinh và Hà Nội tổ chức cho đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai đi thoát ly. Trong dịp này, Võ Nguyên Giáp đã nghe cái tên Nguyễn Thị Quang Thái, cô em gái còn rất trẻ nhưng tham gia các hoạt động rất hăng hái của chị Minh Khai. Nghe tiếng mà chưa gặp mặt. Thế rồi trong lần trở vào Huế, Võ Nguyên Giáp đã gặp Nguyễn Thị Quang Thái trên một chuyến tàu hỏa. Quang Thái lúc ấy đang trên đường vào Huế để nhập học tại trường Nữ sinh Đồng Khánh. Cô mặc áo dài, tóc để xoã, da trắng hồng, gương mặt rất sáng, đặc biệt là đôi mắt. Ấn tượng đó rất đậm nét trong tâm hồn Võ Nguyên Giáp. Trên chuyến tàu này anh Giáp đóng vai một nhà báo ăn vận khá diện. Về sau Quang Thái nói lại cho anh biết về ấn tượng đầu tiên của mình khi gặp: Một chàng thư sinh, hơi "công tử bột". Chỉ khi nghe Võ Nguyên Giáp tự giới thiệu mình là nhà báo thì Quang Thái mới dịu lòng và bắt chuyện.

Trò chuyện với con gái tướng Giáp

(VietNamNet) - "... Năm 1946 - khi được gặp lại Ba lần đầu, tôi đã nhất định không nói một lời nào, kể cả khi ông bế tôi ra chỗ vắng, chỉ với một câu hỏi: "Có nhớ, có thương Ba không...". Có lẽ, đó là tiền lệ cho kiểu "hiếu không lời" giữa hai cha con cho mãi về sau này". Chị Hồng Anh, đã nói như vậy trong cuộc trò chuyện với VietNamNet về những góc đời thường của [Đại tướng](#).

Sau lần gặp gỡ ấy, tại Huế, anh Giáp nhiều lần đạp xe qua cổng trường Đồng Khánh với hy vọng thấy lại gương mặt đã in đậm vào tâm trí mình, nhưng đều chưa "gặp may". Thế rồi một việc bất ngờ đến làm anh không giấu nổi vui mừng trên nét mặt: Người con gái tìm đến liên hệ công tác tại nơi ở mới của anh ở Đồng Ba lại chính là Quang Thái. Rồi họ gặp nhau ở đó mấy lần tiếp theo về công việc. Tuy nhiên, bấy giờ về phía chị Quang Thái vẫn chưa nảy nở tình yêu đáp lại. Chị đang dồn tâm trí cho hoạt động và lo lắng cho người chị ruột của mình, Nguyễn Thị Minh Khai.

Và họ lại gặp nhau, không phải trong một khung cảnh nên thơ nào đó, mà là... trong nhà tù đế quốc - nhà lao Thừa Phủ, Huế. Sự kiện này trở thành một kỷ niệm quý giá, làm sâu nặng thêm mối tình thiêng liêng của họ. Khi ấy vào những năm 1929-1930, đang học tại trường Nữ sinh Đồng Khánh, chị Quang Thái được đoàn thể giao cho phát triển tổ "Nữ sinh đỏ". Học sinh trong trường truyền tay nhau những truyền đơn in thạch, giấu kín để đọc về những cuộc bãi công của công nhân nhà máy diêm Bến Thủy, về phong trào cách mạng Xô Viết - Nghệ Tĩnh. Thế rồi xe hòem đen xông vào trường bắt nhiều học sinh lên xe đóng kín đưa đi. Chị Quang Thái bị bắt cùng các bạn của mình như chị Lài, chị Lý, chị Nga. Cùng bị bắt trong thời gian này có chị Nguyễn Khoa Diệu Hồng, sau này là Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Hà Nội thời kỳ 1954-1977. Chị Diệu Hồng nhớ mãi và nhiều lần nhắc lại câu nói nổi tiếng của Quang Thái nhắc nhở và động viên đồng chí trong tù: "*Không ai tố giác bạn, bạn đừng tố giác ai*", mà nguyên văn được nói bằng tiếng Pháp để bọn lính gác không hiểu được: "*Personne ne vous a dénoncés, ne dénoncéz personne*". Khi Võ Nguyên Giáp bị bắt rồi bị giam vào nhà lao Thừa Phủ, đi ngang qua trại giam nữ, đã giật mình: Quang Thái. Rồi bài thơ đầy khí phách cách mạng của Quang Thái

được chuyền tay nhau khắp nhà lao, Võ Nguyên Giáp càng mến phục, càng yêu Thái hơn. Bài thơ đó như sau:

*"Mười sáu năm nay sống ở đời
Nhân tình nghĩ đến lệ đầy vơi
Trông phường đế quốc lòng ngao ngán
Thấy bạn cần lao dạ rối bời
Quyết chí hy sinh thân kệ chết
Dốc lòng phấn đấu mặc đầu rơi
Ngọn cờ vô sản bao giờ phất
Chín suối hồn ta mĩm miệng cười".*

Trong thời gian bị giam cầm ở nhà lao Thừa Phủ, anh Giáp cũng gặp lại người em trai của mình là Võ Thuần Nho cũng đang bị bắt giam tại đây. Lúc này, Võ Thuần Nho đang học tại trường Quốc học Huế, tham gia các hoạt động cách mạng sôi nổi trong "Hội học sinh đỏ" và ở cùng nhà với anh Giáp sau chùa Diệu Đế. Cứ mỗi buổi sáng hai anh em lại chia tay nhau, lòng không khỏi lo lắng: "Không biết hôm nay ai bị bắt? Liệu anh em có gặp lại nhau không?"

Võ Thuần Nho đi học, Võ Nguyên Giáp đi làm ở báo Tiếng Dân của chí sĩ cách mạng Huỳnh Thúc Kháng. Thế rồi hai anh em gặp lại nhau trong nhà lao Thừa Phủ. Trong lần bị bắt này cũng có các thầy giáo trường Quốc học Huế như Giáo sư Đặng Thai Mai, Lê Thế Dị, Lê Thế Tiết.

Hai người kết hôn khi Quang Thái tròn 20 tuổi. Sau khi sinh con gái Hồng Anh, Võ Nguyên Giáp sang Trung Quốc hoạt động. Sau này, Tướng Giáp đã nhắc lại, trong hoàn cảnh khó khăn, vì con còn quá nhỏ, không cùng đi thoát ly như đã ước hẹn được, chính chị Quang Thái đã tỏ ra cương quyết, động viên chồng rất nhiều trong việc yên lòng sang Trung Quốc hoạt động theo chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Trong hồi ký *"Từ nhân dân mà ra"* của mình, Tướng Giáp đã kể lại buổi chia tay với chị Quang Thái và con gái Hồng Anh bên Hồ Tây đầy cảm động: "Đến đường Cổ Ngư, qua chùa Trấn Vũ, tôi thấy Quang Thái ẵm Hồng Anh đã đứng đợi ở một gốc cây vắng người. Quang Thái rơm rớm nước mắt, thỉnh thoảng lại quay về phía mặt hồ để mọi người không chú ý. Tôi nói với Quang Thái ở nhà giữ liên lạc với các đồng chí, tiếp tục công tác, cố gắng gửi gắm Hồng Anh để đi hoạt động bí mật. Quang Thái nhắc tôi hết sức giữ gìn sức khỏe và cẩn thận trong khi hoạt động, gắng tìm cách cho nhà biết tin. Một vài người quen đi ngang chào hỏi, tưởng chúng tôi đang đứng hóng mát. Chúng tôi đang nói chuyện thì có tiếng người hỏi phía sau:

- Thầy có đi xe không?

Quay lại, tôi nhận ra anh giáo Minh đang kéo một xe tay đứng đợi, tôi chia tay Quang Thái. Chúng tôi không ngờ phút chia tay đó lại là phút vĩnh biệt".

Năm 1942, chị Quang Thái bị thực dân Pháp bắt lần thứ hai, giam ở nhà lao Hoả Lò với mức án 16 năm tù giam. Nhà cách mạng lão thành Hoàng Thị Ái, nguyên Bí thư Đảng đoàn, nguyên Phó Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam, người bị giam cầm cùng chị Quang Thái, kể lại: Trong nhà lao, chị Quang Thái hết lòng chăm sóc, động viên đồng chí chị em dũng cảm, kiên quyết đấu tranh với địch, chống tra tấn, chống chế độ hà khắc của nhà tù thực dân. Chị đã bất chấp mọi cực hình tra tấn của địch, giữ trọn khí tiết của người đảng viên cộng sản kiên trung và đã hy sinh trong nhà tù Hoả Lò năm 1944. Còn cụ Nguyễn Thị Tam, cán bộ lão thành cách mạng, cô ruột nguyên Tổng bí thư Đỗ Mười, nhớ lại hình ảnh chị Quang Thái dạy chị em trong tù học văn hoá. "Trong tù không có giấy bút, nên phải lấy gạch non viết xuống sàn xi măng, nếu để lộ ra, con đầm giám ngục biết thì chúng tôi lại bị nhốt vào xà lim. Tuy thiếu thốn thế, nhưng chị em chúng tôi đều học

rất tốt, lại còn được học thêm cả tiếng Pháp nữa". Cụ Tam cho biết như vậy trong hồi ký *"Mười năm tù cầm cố trong Hoả Lò"*.

Vào lúc chị Quang Thái bị địch bắt giam, đồng chí Võ Nguyên Giáp về nước theo chỉ thị của Bác Hồ, cùng các đồng chí lãnh đạo khác làm công tác tuyên truyền vận động quần chúng xây dựng chiến khu Cao - Bắc - Lạng. Điều kiện hoạt động bí mật rất ngặt nghèo, lâu lâu anh mới gửi được về nhà một bức thư viết trên mẩu giấy thuốc lá khi có liên lạc trực tiếp. Đã có lần trong đợt khủng bố trắng của địch, anh ốm nặng, sốt cao. Không thể về nhà cơ sở vì giữ bí mật, một mình ngồi dưới gốc cây cổ thụ trong rừng đại ngàn, lo công việc cách mạng bị trì hoãn, rồi nghĩ... không biết mình có cơ hội gặp lại Quang Thái và con gái Hồng Anh không... Rồi Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân ra đời với chiến công đầu Phai Khắt - Nà Ngần. Trong sự lớn mạnh của cách mạng, nhiều khi anh bắt gặp trong tâm trí mình hình ảnh vợ con, cha mẹ và nghĩ đến một ngày hội ngộ không còn xa... Vậy mà... mãi đến tháng 4/1945, trong Hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ họp tại huyện Hiệp Hoà, Bắc Giang, anh mới nghe đồng chí Trường Chinh nhắc đến tin dữ mà tưởng anh đã biết: chị Thái đã hy sinh! Trong tập hồi ký *"Những chặng đường lịch sử"*, Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể:

"Tôi lặng người đi... Tôi bàng hoàng đi sang buồng bên, vẫn chưa tin hẳn điều các anh nói là sự thật!

Tôi nằm nhớ lại ngày chúng tôi mới gặp nhau ở Huế trong khi cùng nhau hoạt động bí mật, nhớ những lời hứa hẹn cùng nhau phấn đấu suốt đời cho chủ nghĩa cộng sản, nhớ lại những điều đã dặn dò nhau khi chia tay, nghĩ đến Hồng Anh. Sau này tôi mới biết trong thời gian tôi đi xa, Thái vẫn tiếp tục hoạt động, làm công tác thông tin liên lạc cho Trung ương. Sau chuyển đi Sài Gòn để gặp chị Nguyễn Thị Minh Khai lần cuối cùng trước khi chị bị đế quốc đem xử bắn, trở về nhà ít lâu thì bị bắt. Trong nhà tù, bọn đế quốc đã dùng mọi cực hình tra tấn để truy tìm mối dây liên lạc với anh Hoàng Văn Thụ, Thái đã quyết không khai một lời, giữ trọn khí tiết của người Đảng viên Cộng sản và đã mất tại nhà giam Hoả Lò, Hà Nội".

Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng con gái Hồng Anh đã nhiều lần đến thăm khu di tích Hoả Lò, cùng Ban liên lạc và nhiều chiến sĩ cách mạng từng bị đế quốc giam cầm tại đây thắp hương và đặt vòng hoa tại nơi người vợ, người mẹ của họ cùng bao nhiêu người con ưu tú của đất nước đã vượt qua mọi cực hình tra tấn, giữ trọn khí tiết của người chiến sĩ, đã sống anh dũng - chết vẻ vang.

Võ Hồng Anh mất mẹ khi còn quá bé. Nhưng những tình cảm sâu nặng, thiêng liêng, sự khâm phục quý trọng mà ông bà nội, ngoại, ba chị và những người thân khác của mẹ, gìn giữ và truyền cho chị, như "Tâm truyền Tâm", và cả sợi dây tâm linh vô hình của huyết thống đã cho chị có được và giữ mãi một hình ảnh rõ nét, sinh động và xác thực của mẹ. "Trong suốt tuổi thơ, thời niên thiếu cho đến lúc trưởng thành, hình ảnh của mẹ trong tôi luôn là sự kết tinh hài hoà của tâm hồn và trí tuệ, của sự dịu dàng và lòng kiên định, của cái đẹp hình thức và nội tâm. Hình ảnh ấy luôn thể hiện bên hình ảnh người cha để dẫn dắt tôi trên mọi nẻo đường của cuộc đời. Và tôi luôn ước ao mình có được một chút gì giống như thế" - Giáo sư Võ Hồng Anh tâm sự.

- **Lê Hồng Sơn (GD&XH**